

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE



HÃY HÀNH ĐỘNG VÌ CUỘC SỐNG TỐT ĐẸP HƠN

01

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các rủi ro

MỤC LỤC

17

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

43

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến trong năm
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Báo cáo về trách nhiệm với môi trường và xã hội



57

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Về các mặt hoạt động của Công ty

Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

63

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

79

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán

Báo cáo tài chính đã kiểm toán



THÔNG TIN CHUNG



- ❖ Thông tin khái quát
- ❖ Quá trình hình thành và phát triển
- ❖ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- ❖ Mô hình quản trị và bộ máy quản lý
- ❖ Định hướng phát triển
- ❖ Các rủi ro





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
Tên tiếng Anh	Dong Hai Joint Stock Company of Bentre
Tên viết tắt	DOHACO
Trụ sở chính	Lô AIII, Khu công nghiệp Giao Long, Xã An Phước, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre
Vốn điều lệ đăng ký	344.597.690.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp	344.597.690.000 đồng
Giấy CNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300358260 do UBND Tỉnh Bến Tre cấp lần đầu ngày 02/04/2003 thay đổi lần thứ 14 ngày 21 tháng 12 năm 2017
Điện thoại	(0275) 363 5739
Fax	(0275) 363 5738
Website	www.dohacobentre.com.vn
Email	donghaibentre@yahoo.com
Mã chứng khoán	DHC

Logo Công ty



Những thành tích đã đạt được trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



2003

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre được thành lập theo quyết định 4278/QĐ-UB của UBND tỉnh Bến Tre. Tiền thân của Công ty chính là Nhà máy Bao bì, doanh nghiệp nhà nước thuộc Ngành thủy sản tỉnh Bến Tre.

2008

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre chính thức trở thành công ty đại chúng theo thông báo của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

2009

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre chính thức niêm yết và giao dịch cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) với mã chứng khoán DHC.





2011

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre tổ chức lễ khánh thành và chính thức đưa vào hoạt động nhà máy giấy Giao Long (giai đoạn 1) và nhà máy Bao Bì số 02.

2015

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre chính thức chuyển trụ sở chính của công ty về địa chỉ Lô AIII Khu Công Nghiệp Giao Long, xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

2016

Công ty đang triển khai thực hiện Dự án Nhà máy giấy Giao Long giai đoạn 2 với công suất 660 tấn/ngày. Dự kiến sẽ hoàn thành và đi vào hoạt động trong năm 2018

2017

Công ty đã thực hiện chào bán thành công 5.116.920 cổ phiếu ra công chúng thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Nhằm bổ sung nguồn vốn cho dự án Nhà máy giấy Giao Long – Giai đoạn 2





NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

❖ **Ngành nghề kinh doanh**

- ✓ Sản xuất và kinh doanh giấy Kraft công nghiệp.
- ✓ Sản xuất và kinh doanh bao bì Carton, các sản phẩm bao gói từ giấy.

❖ **Địa bàn kinh doanh**

Địa bàn kinh doanh chủ yếu Công ty là các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, miền Đông Nam Bộ và Thành phố Hồ Chí Minh. Đây là ba vùng kinh tế trọng điểm cả nước nơi tập trung nhiều ngành nghề sản xuất chế biến nông thủy hải sản thực phẩm, giày da, dược phẩm, may mặc và hàng công nghiệp khác...

❖ **Sản phẩm tiêu biểu**

Giấy kraft công nghiệp

Giấy Kraft công nghiệp bao gồm 02 chủng loại: Testliner & Medium sử dụng làm lớp ngoài và lớp trong bao bì carton.

- ✓ Khổ giấy: 3.200 cm.
- ✓ Định lượng: từ 125 g/m² – 200 g/m² đối với Testliner và medium.
- ✓ Sản phẩm được gia keo 2 mặt và chống thấm cao.
- ✓ Khả năng cung cấp số lượng lớn cùng lúc (> 180 tấn/ngày).



Giấy carton Board-bao bì carton

Bao gồm 03 chủng loại: 3 lớp, 5 lớp, với độ dày khác nhau tương ứng với bước sóng A, B, E. Sản phẩm phù hợp bao gói các loại hàng hóa, được gia keo chống thấm an toàn trong điều kiện môi trường sử dụng độ ẩm cao.

Giấy carton Board

- ✓ Khổ giấy: 800 – 1.800cm, hoặc theo yêu cầu khách hàng.
- ✓ Chiều dài: theo yêu cầu khách hàng.
- ✓ Khả năng cung cấp số lượng lớn cùng lúc (> 120.000 m²/ ngày).

Bao bì carton các loại

- ✓ Quy cách, chủng loại, in ấn...: theo yêu cầu và thiết kế của khách hàng.
- ✓ Khả năng cung số lượng lớn cùng lúc (> 150.000sp/ngày).



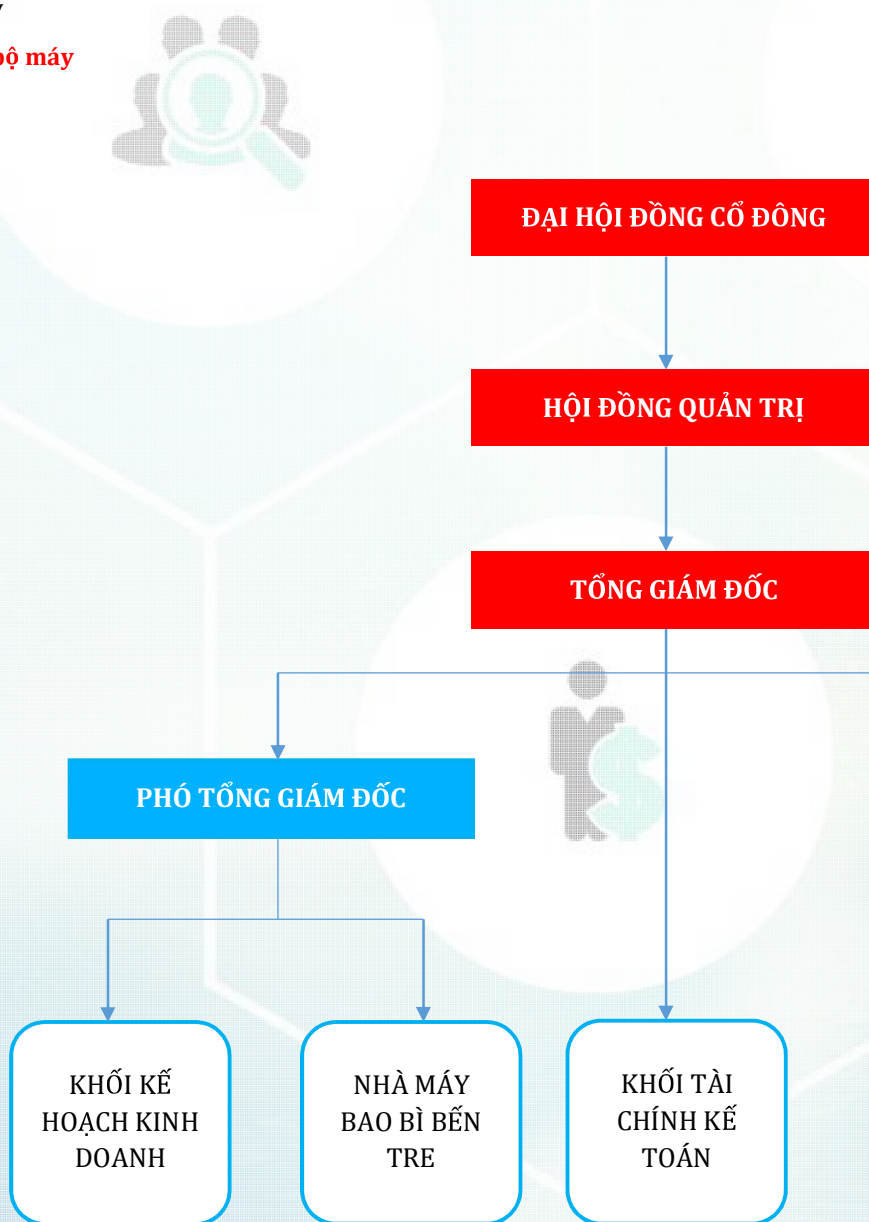


MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, cụ thể bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc; 03 Khối nghiệp vụ: Hành chính nhân sự, Tài chính kế toán, Kế hoạch kinh doanh; 02 Nhà máy: Nhà máy Bao bì Bến Tre và Nhà máy giấy

Cơ cấu bộ máy



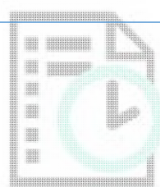
Công ty con, công ty liên kết

Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Tân cảng Giao Long

Địa chỉ	:	126 Ấp Long Thạch, Xã Giao Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre
Vốn điều lệ thực góp	:	2.600.000.000 đồng
Tỷ lệ góp vốn	:	26% tỷ lệ quyền biểu quyết
Ngành nghề kinh doanh chính	:	Cung cấp dịch vụ khai thác cảng và vận chuyển



BAN KIỂM SOÁT



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

**KHOẢ HÀNH
CHÍNH
NHÂN SỰ**

**NHÀ MÁY
GIẤY GIAO
LONG**





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

❖ Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Trong dài hạn, Công ty đề ra mục tiêu cải tiến công nghệ sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng nghiên cứu phát triển sản phẩm tái chế, thân thiện với môi trường vừa đáp ứng xu hướng tiêu dùng vừa góp phần củng cố nền tảng phát triển của Công ty.
- Đẩy mạnh mở rộng thị trường nội địa, quảng bá và xây dựng thương hiệu giấy Dohaco nhằm tăng năng lực cạnh tranh của sản phẩm trước các đối thủ trong và ngoài nước. Ngoài ra, Công ty cũng chú trọng tìm kiếm cơ hội xuất khẩu sang thị trường các nước trong khu vực.
- Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác tuyển dụng và đào tạo, nâng cao tay nghề cho công nhân, phát triển các kỹ năng quản lý.

❖ Các mục tiêu chủ yếu

- Thu hút vốn đầu tư để nâng cấp công nghệ sản xuất và tập trung nguồn lực vào các sản phẩm chủ lực nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và đạt được mức giá cạnh tranh hơn. Tìm kiếm đối tác mới để mở rộng thị trường và gia tăng thị phần trong phân khúc giấy công nghiệp.
- Mục tiêu chủ yếu vẫn là: “Đến năm 2020 phát triển thành doanh nghiệp vững mạnh, lấy 02 dòng sản phẩm giấy kraft - bao bì carton làm trọng tâm phát triển”.
- Phương châm hành động “Khép kín quy trình sản xuất - phát triển quy mô năng lực – nâng cao hiệu quả kinh doanh”.

❖ Các mục tiêu đối với môi trường và xã hội

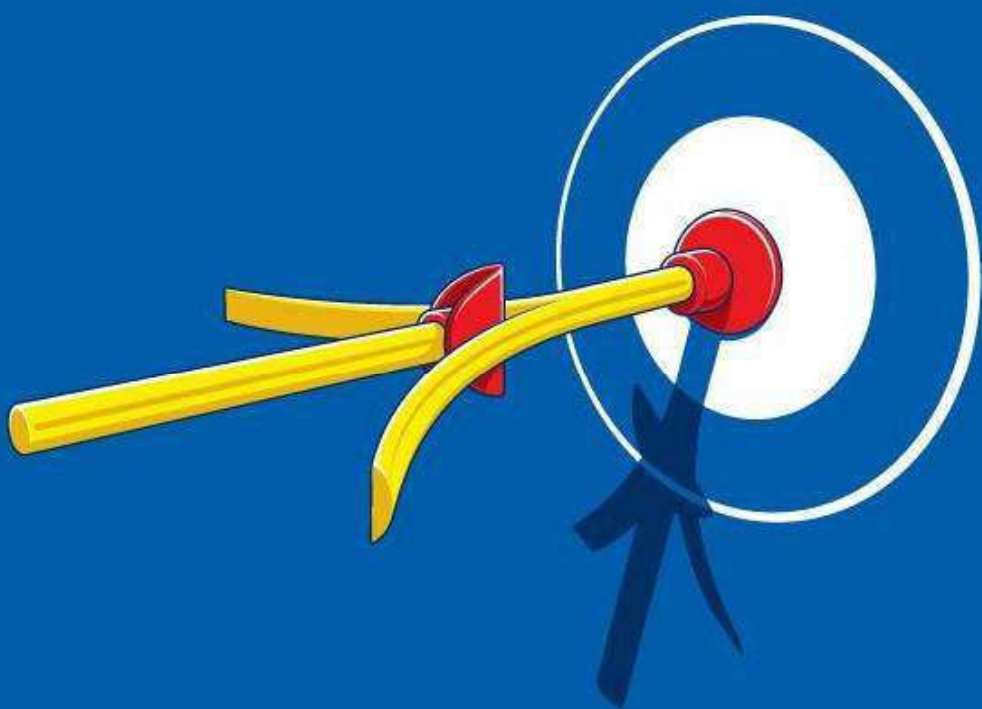
Mục tiêu đối với xã hội, cộng đồng

- Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đặc biệt quan tâm, luôn chấp hành tốt và có những hành động thiết thực với vấn đề môi trường, xã hội và cộng đồng.
- Hoàn thiện chế độ lương thưởng, thù lao, chính sách xã hội nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho cán bộ công nhân viên của Công ty. Khuyến khích sự tham gia của tất cả cá nhân vào các hoạt động tình nguyện cũng như định hướng, thúc đẩy tư duy hướng tới phát triển bền vững.

Cam kết thực hiện

- Tuân thủ luật Bảo vệ Môi trường và các yêu cầu khác liên quan đến các tác động môi trường của Công ty.
- Quan tâm đời sống của công nhân viên, tổ chức các phong trào thi đua, hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội,...
- Phát triển đi đôi với trách nhiệm bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên.
- Đầu tư vào hệ thống xử lý chất thải (khí và nước) chất lượng cao để bảo vệ môi trường sống cho sinh vật và cộng đồng dân cư xung quanh.
- Tích cực hỗ trợ và tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động tình nguyện, từ thiện tại địa phương, đóng góp vì Trường Sa, Hoàng Sa...







RỦI RO

❖ Rủi ro về kinh tế

Biến động kinh tế là nhân tố mà tất cả các Doanh nghiệp đều bị ảnh hưởng trong quá trình sản xuất kinh doanh. Hoạt động trong ngành sản xuất giấy và bao bì, Đông Hải Bến Tre cũng không nằm ngoài sự ảnh hưởng đó.

Tốc độ tăng trưởng GDP: Tình hình kinh tế thế giới thời gian vừa qua đã có biến chuyển mang chiều hướng tích cực hơn so với giai đoạn trước, góp phần tạo lập nền tảng tốt cho sự phục hồi và ổn định trở lại trong tương lai. Với những tác động tích cực, kinh tế Việt Nam cũng đã có sự bứt phá ngoạn mục khi tốc độ tăng trưởng GDP quý IV đạt 7,65% giúp cho GDP 2017 ước tính tăng 6,81% so với năm 2016. Mức tăng trưởng năm vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016. Bên cạnh đó, trong cơ cấu GDP thì ngành công nghiệp tăng 7,85%, đặc biệt ngành công nghiệp chế biến, chế tạo với mức tăng 14,40%, tạo tiền đề cho sự tăng trưởng mạnh mẽ của các Doanh nghiệp sản xuất giấy và bao bì khi đây là ngành công nghiệp phụ trợ cho ngành công nghiệp chế biến. Tuy nhiên nền kinh tế nước ta vẫn còn nhiều tồn tại và thách thức như năng lực cạnh tranh còn hạn chế; thiên tai, bão lũ gây thiệt hại lớn;...

Lãi suất: Trong quá trình sản xuất kinh doanh, tùy vào đặc điểm kinh doanh của mình, mỗi doanh nghiệp có cơ cấu vốn khác nhau. Tuy nhiên, phần lớn các doanh nghiệp sử dụng nguồn vay lớn từ các ngân hàng thương mại nên việc biến động lãi suất ngân hàng sẽ gây nên những rủi ro nhất định cho doanh nghiệp. Với đặc thù ngành đòi hỏi đầu tư nhà máy sản xuất, kho bãi cũng như các hệ thống xử lý chất thải,... Do đó lãi suất là rủi ro mà DHC thường gặp phải khi cần nguồn vốn lớn để tài trợ cho các dự án cũng như xoay vòng vốn cho hoạt động của Công ty. Kết thúc năm 2017, mặt bằng lãi suất cho vay tương đối ổn định, cùng với những dự đoán tương tự cho năm 2018 là một thuận lợi cho DHC thực hiện các dự án đầu tư trong tương lai.

Rủi ro Tỷ giá: Doanh nghiệp trong nước là nguồn khách hàng chính của Đông Hải Bến Tre nhưng nguồn nguyên vật liệu chính cấu thành nên sản phẩm lại đến từ các đối tác nước ngoài. Thị trường giấy phế liệu trong nước chỉ đáp ứng khoảng 60% nhu cầu sản xuất của Doanh nghiệp. Hơn nữa hệ thống thu gom giấy phế liệu trong nước còn lẻ tẻ, phải xử lý, phân loại phức tạp dẫn đến chi phí bị đội lên khi phải đầu tư thêm hệ thống xử lý, phân loại. Việc nhập khẩu nguyên vật liệu là yếu tố không chỉ DHC mà các Doanh nghiệp cùng ngành cũng không thể tránh khỏi. Do đó, biến động tỷ giá là rủi ro sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu của Công ty.

Kết thúc 2017, tỷ giá VND/USD ổn định khi gần như chỉ đi ngang trong 2 quý cuối năm. Theo Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia dự báo, tỷ giá sẽ tiếp tục ổn định trong năm 2018. Đây là cơ hội để DHC đẩy mạnh triển khai các dự án, hợp đồng với các đối tác trong thời gian tới. Tuy nhiên DHC cũng không ngừng phân tích tình hình tỷ giá để hạn chế rủi ro có thể xảy ra.



❖ **Rủi ro pháp luật**

Hoạt động của DHC chịu sự ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật bảo vệ môi trường và các Nghị định thông tư có liên quan khác. Tuy nhiên, hiện nay, Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, bất kỳ sự thay đổi nào về các quy định liên quan và quy định đặc thù của ngành đều tác động trực tiếp đến hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty. Nghị định 71 về quản trị Công ty đã có hiệu lực từ cuối năm 2017, các bộ luật liên quan khác cũng sẽ được điều chỉnh tương ứng, đòi hỏi công ty phải có bước chuẩn bị nhằm điều chỉnh hoạt động của công ty sao cho không vi phạm các quy định được điều chỉnh.

Ngoài ra, Đặc thù hoạt động trong ngành sản xuất giấy, chịu sự tác động lớn từ luật bảo vệ môi trường. Với các quy chuẩn khắt khe về hàm lượng chất thải, hệ thống xử lý thải và hệ thống kho bãi dành riêng cho việc tập kết phế liệu. Đây là một ngành chịu ảnh hưởng rất lớn từ những chính sách của nhà nước. Do đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cũng đồng thời bị tác động bởi những nghị định, văn bản của nhà nước trong lĩnh vực này.



RỦI RO

❖ **Rủi ro về môi trường**

Bên cạnh Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các Nghị định thông tư có liên quan khác, DHC còn chịu sự chi phối của Luật Bảo vệ Môi trường. Điều này đòi hỏi Công ty cần phải đảm bảo những tiêu chuẩn theo Luật này khi thực hiện các hoạt động sản xuất, sử dụng và tái chế. Trong quá trình sản xuất, việc xử lý chất thải, khí thải, nước thải,...như thế nào để tránh gây ra ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động cũng như cộng đồng xung quanh khu vực nhà máy là một vấn đề được đặt lên hàng đầu. Bên cạnh đó, nhằm thực hiện tăng trưởng phát triển đi đôi với bảo vệ môi trường và lợi ích xã hội, Công ty đặc biệt rất quan tâm đến những vấn đề về xử lý chất thải, tái sử dụng, sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng,... Với các hệ thống quản lý chất lượng – môi trường theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, ISO 14001:2015.

❖ **Rủi ro khác**

Các rủi ro bất khả kháng như chiến tranh, thiên tai, bệnh dịch, hỏa hoạn... nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro, Công ty đã thường xuyên kiểm tra, bảo trì và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy, tham gia mua bảo hiểm cho hàng hoá và tài sản.



❖ **Rủi ro cạnh tranh**

Số lượng doanh nghiệp tham gia vào khâu sản xuất ra thành phẩm cuối cùng là bao bì giấy khá nhiều, với hơn 200 nhà cung cấp. Cạnh tranh giữa các doanh nghiệp này tương đối gay gắt, đặc biệt là giữa các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, cạnh tranh trong phân khúc giấy công nghiệp (Nguồn thu chính của DHC) hiện tương đối thấp do số lượng doanh nghiệp ít và nguồn cung chưa đáp ứng đủ nhu cầu.

Cùng với việc cải thiện chất lượng sản phẩm phù hợp và linh hoạt bám sát thị hiếu của khách hàng, DHC kì vọng sẽ gia tăng sản lượng tiêu thụ và phát triển các dòng sản phẩm của mình ở những thị trường mới. Từ đó khẳng định được thương hiệu DHC trong lòng người tiêu dùng.

❖ **Rủi ro nguyên vật liệu đầu vào**

Ngành công nghiệp sản xuất giấy phụ thuộc rất lớn vào nguồn nguyên liệu đầu vào khi giá vốn hàng bán chiếm khoảng 80% trong cơ cấu chi phí của Công ty. Giấy phế liệu là nguồn nguyên vật liệu chính tạo nên doanh thu cho DHC, tuy nhiên nguồn cung giấy phế liệu tại thị trường Việt Nam lại không thể đáp ứng được nhu cầu của Doanh nghiệp. Hơn nữa với sự thay đổi của quy chuẩn tạp chất trong giấy phế liệu nhập khẩu của Trung Quốc (Từ 1,5% xuống 0,3%) đã đẩy giá giấy phế liệu tăng liên tục trong thời điểm cuối năm vừa qua. Theo nhiều dự đoán tình hình này sẽ tiếp tục kéo dài trong thời gian tới, đây là một trong những thách thức vô cùng lớn đối với các Doanh nghiệp sản xuất giấy nói chung và DHC nói riêng.

Để quản trị tốt nguồn nguyên liệu đầu vào, Công ty luôn thiết lập mối quan hệ lâu dài và uy tín với những đối tác trong nước đảm bảo tính ổn định cho giá cả nguyên liệu đầu vào. Bên cạnh đó, DHC cũng thường xuyên mở rộng mối quan hệ hợp tác với nhiều nhà cung cấp khác để có được nguồn nguyên liệu với giá hợp lý.



- ❖ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ❖ Tổ chức và nhân sự
- ❖ Tình hình đầu tư
- ❖ Tình hình tài chính
- ❖ Cơ cấu cổ đông
- ❖ Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Sản lượng sản xuất năm 2017

Chỉ tiêu	TH 2016	KH 2017	TH 2017	% TH/KH 2017	% TH2017/ TH 2016
- Sản lượng sản xuất					
• Giấy Kraft (tấn)	56.248	55.800	61.784	110.73	109.85
• Bao bì (sản phẩm)	28.332.161	31.200.000	28.535.862	91.46	100.72
- Doanh thu thuần (triệu đồng)	668.122	750.000	810.025	108,00%	121,24%
- LNST (triệu đồng)	85.726	66.000	80.254	121,60%	93,62%

Nhìn chung, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty đang có những tiến triển khả quan. Doanh thu thuần năm 2017 đạt 810 tỷ đồng, tăng 21,24% so với cùng kỳ, vượt 8% so với kế hoạch đề ra. Lợi nhuận sau thuế đạt 80,3 tỷ đồng, giảm 6,38% so với cùng kỳ năm trước và đạt 121,60% kế hoạch đề ra.

Ban lãnh đạo DHC đã dự đoán được tình hình kinh doanh năm 2017 sẽ gặp nhiều khó khăn khi thị trường cạnh tranh ngày càng gắt gao, giá nguyên vật liệu biến động mạnh từ chính sách của Trung Quốc. Do đó, DHC đặt kế hoạch doanh thu và sản lượng sản phẩm đều tăng so với 2016 nhưng lợi nhuận sau thuế lại thấp hơn hẳn.

Để đạt được kết quả trên, Công ty đã áp dụng công nghệ hiện đại, tự động hóa đồng bộ theo quy trình sản xuất khép kín từ xử lý bột giấy nguyên liệu OCC đến thành phẩm Giấy Kraft công nghiệp – Giấy Carton – Bao bì Carton cùng với định hướng chiến lược kinh doanh ngắn và dài hạn phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và định hướng phát triển của ngành, địa phương.

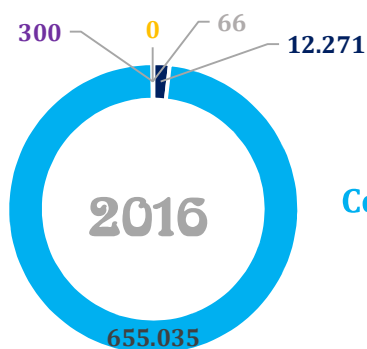
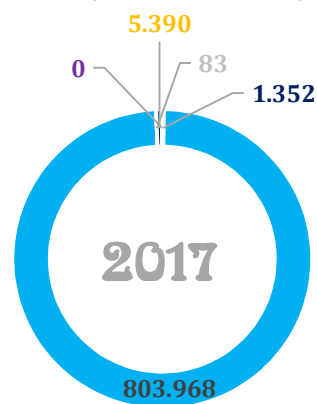


Cơ cấu doanh thu thuần

Khoản mục	ĐVT	Năm 2016		Năm 2017	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Doanh thu bán nguyên liệu hàng hóa	Tr. Đồng	12.271	1,84%	1.352	0,17%
Doanh thu bán thành phẩm	Tr. Đồng	655.035	98,04%	803.968	99,16%
Doanh thu bán phế liệu	Tr. Đồng	66	0,01%	83	0,01%
Doanh thu bán máy móc thiết bị trả chậm	Tr. Đồng	-	-	5.390	0,66%
Doanh thu cung cấp dịch vụ	Tr. Đồng	300	0,04%	-	-
Tổng cộng	Tr. Đồng	668.122	100,00%	810.793(*)	100,00%

(*) Do trong năm 2017 có khoản giảm trừ doanh thu từ hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán, với tổng giá trị là 768 triệu đồng. Do đó tổng doanh thu bán hàng từ các khoản mục đạt 810.793 triệu đồng so với 810.025 triệu đồng của doanh thu thuần.

Xét về cơ cấu doanh thu, chiếm tỷ trọng cao nhất vẫn là Doanh thu từ hoạt động bán thành phẩm. Cụ thể, Doanh thu bán thành phẩm đạt 803.968 triệu đồng, chiếm 99,16% trong cơ cấu doanh thu và tăng nhẹ 1,12% so với cùng kỳ. Qua đó cho thấy Dohaco vẫn tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi là giấy và bao bì. Trong khi đó doanh thu bán nguyên liệu đạt 1.352 triệu đồng, chiếm 0,17% trong cơ cấu. Doanh thu hoạt động bán phế liệu và cung cấp dịch vụ chỉ chiếm tỷ trọng rất nhỏ. Ngoài ra trong năm Công ty có phát sinh khoản doanh thu từ bán máy móc thiết bị trả chậm, đạt 5.390 triệu đồng chiếm 0,66% trong cơ cấu

**Cơ cấu doanh thu bán hàng**

- Doanh thu bán nguyên liệu hàng hóa
- Doanh thu bán thành phẩm
- Doanh thu bán máy móc thiết bị trả chậm
- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Doanh thu bán phế liệu



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Lê Bá Phương	Tổng giám đốc
2	Bà Hồ Thị Song Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Lương Văn Thành	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Lê Thị Hoàng Huệ	Kế toán trưởng

Những thay đổi trong Ban điều hành

Không có

Sơ yếu lý lịch Ban điều hành

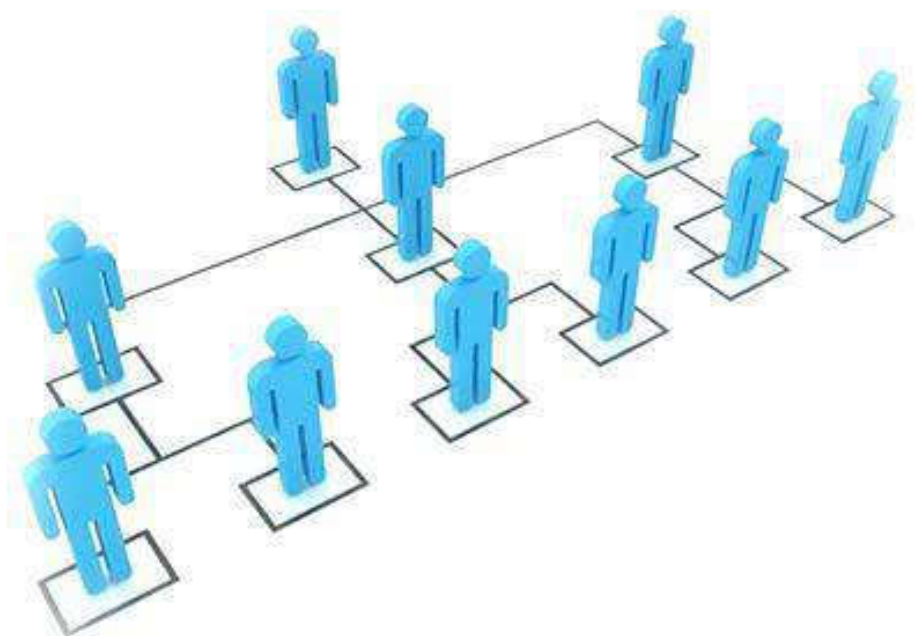
❖ Ông Lê Bá Phương – Tổng giám đốc

Năm sinh	:	20/11/1964
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh Tế
Quá trình công tác		
1983 - 1987	:	Đi nghĩa vụ quân sự.
11/1987 - 07/2012	:	Làm việc tại Công ty Cổ phần XNK Thủy Sản Bến Tre.
08/2012 - 07/2013	:	Thành viên HĐQT/Phó TGĐ Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
07/2013 - 06/2014:	:	Thành viên HĐQT/Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
06/2014 - nay:	:	Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	:	1.972.347 cổ phiếu chiếm 5,72% vốn điều lệ



❖ Bà Hồ Thị Song Ngọc – Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	:	11/02/1983
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân QTKD
Quá trình công tác	:	
09/2005 - 08/2006	:	Nhân viên văn thư – hành chánh lễ tân thuộc phòng HCNS – Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
09/2006 - 03/2008	:	Nhân viên tiếp nhận và triển khai đơn hàng thuộc phòng KH-KD-CL Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
04/2008 - 08/2010	:	Phó Giám đốc KD – Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
09/2010 - 04/2012	:	Giám đốc KD - Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
05/2012 – 05/2017	:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
05/2017 - nay	:	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre.
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	:	68.006 cổ phần chiếm 0,2% vốn điều lệ.





TỔ CHỨC NHÂN SỰ

❖ Ông Lương Văn Thành - Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh	:	12/11/1962
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh Tế
Quá trình công tác	:	
11/1986 - 09/1999	:	Phó Trưởng phòng kế hoạch kỹ thuật Công ty xây lắp và vật liệu xây dựng.
09/2003 - 10/2003	:	Trưởng phòng đầu tư phát triển- Công ty Quản lý và phát triển nhà Quận 2, TP.HCM.
11/2003 - 07/2012	:	Trưởng phòng quản trị - Công ty Quản lý và phát triển nhà Quận 2, TP.Hồ Chí Minh.
08/2012 - 06/2014	:	Phó Tổng GD Công ty cổ phần Đông Hải Bến Tre.
06/2014 - 05/2017	:	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng GD Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
05/2017 - nay	:	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng GD Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	:	1.923.400 cổ phiếu chiếm 5,58% vốn điều lệ

❖ Bà Lê Thị Hoàng Huệ - Kế toán trưởng

Năm sinh	:	09/03/1973
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác	:	
1994 - 1996	:	Cán bộ tín dụng Ngân hàng Công thương Bến Tre.
1996 - 2003	:	Phó phòng kế toán Công ty Đông Lạnh Thủy Sản Xuất khẩu Bến Tre.
2003 - 2009	:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thủy Sản Bến Tre.
2009 - 05/2013	:	Trưởng bộ phận kế toán giao dịch Ngân hàng TMCP Sài Gòn CN Bến Tre.
07/2013 - nay	:	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	:	48.595 cổ phiếu chiếm 0,14% vốn điều lệ



Số lượng cán bộ, nhân viên tính đến ngày 31/12/2017

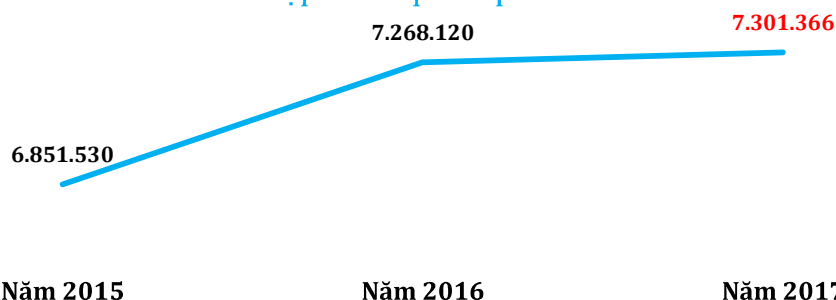
STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
I	Theo giới tính	403	100,00%
1	Nam	348	86,35%
2	Nữ	55	13,65%
II	Theo trình độ	403	
1	Đại học	61	15,14%
2	Cao đẳng	38	9,43%
3	Khác	304	75,47%
III	Theo loại hợp đồng	403	
1	Thử việc	1	0,25%
2	02 tháng	1	0,25%
3	06 tháng	21	5,21%
4	01 năm	64	15,88%
5	03 năm	237	58,81%
6	05 năm	4	0,99%
7	Không xác định thời hạn	75	18,61%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Thu nhập bình quân	Đồng/người/ tháng	6.851.530	7.268.120	7.301.366

Tổng số lao động thực tế của Công ty có mặt vào ngày 31/12/2017 là 403 người, tăng 33 người so với năm trước. Trong số 403 nhân viên, lao động trình độ đại học, cao đẳng chiếm tỷ trọng 24,57%, với 99 người, còn lại là lao động có trình độ khác, với 304 người chiếm 75,43%.

Trong khi đó, mức thu nhập bình quân của người lao động đạt mức 7.301.366 đồng, tương đương so với năm 2016.

Thu nhập bình quân qua các năm



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

❖ Chính sách nhân sự

Công ty thực hiện chế độ làm việc 48 giờ/tuần; các chế độ làm thêm giờ, nghỉ Lễ, phép, nghỉ khác tuân thủ theo quy định của Nhà nước.

Nhân viên được cấp đồng phục; máy tính cùng các thiết bị hỗ trợ văn phòng; phí công tác, bữa ăn trưa,...Tùy theo vị trí công việc nhân viên còn được trang bị máy tính xách tay, cùng nhiều chế độ khác.

❖ Chính sách phúc lợi

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

Công ty tổ chức cho CBCNV đi du lịch hàng năm. Năm 2017, số tiền chi cho cán bộ công nhân viên trên 01 tỷ đồng.

❖ Chính sách đánh giá thành tích nhân viên

Việc đánh giá thành tích nhân viên được thực hiện định kỳ và theo ba tiêu chí:

- Kết quả công việc
- Kỹ năng
- Thái độ

Thông qua đánh giá thành tích, cấp quản lý nhận diện được những nhân viên tiềm năng để đưa vào quy hoạch đội ngũ kế thừa, đồng thời lập kế hoạch đào tạo cho nhân viên. Đây cũng là cơ sở để xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp cho nhân viên.



❖ Chính sách lương - thưởng

DHC xây dựng chính sách lương cán bộ công nhân viên phù hợp với năng lực công tác và vị trí phụ trách. Ngoài ra, Ban lãnh đạo Công ty thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu suất lao động của cán bộ công nhân viên; từ đó, có đánh giá và điều chỉnh mức lương phù hợp cho nhân viên trên toàn Công ty.

Chính sách khen thưởng được áp dụng gắn liền với kết quả công việc, hiệu quả sản xuất kinh doanh nhằm tạo động lực làm việc tích cực cho cán bộ công nhân viên. Về cơ bản, tại Công ty có các chế độ thưởng như sau:

- Thưởng sáng kiến cải tiến kỹ thuật.
- Thưởng cá nhân, tập thể tiêu biểu, xuất sắc.
- Thưởng nhân các ngày Lễ, Tết.
- Thưởng người tốt việc tốt
- Thưởng cho công trình sản phẩm mới
- Thưởng đột xuất hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao trong kỳ.



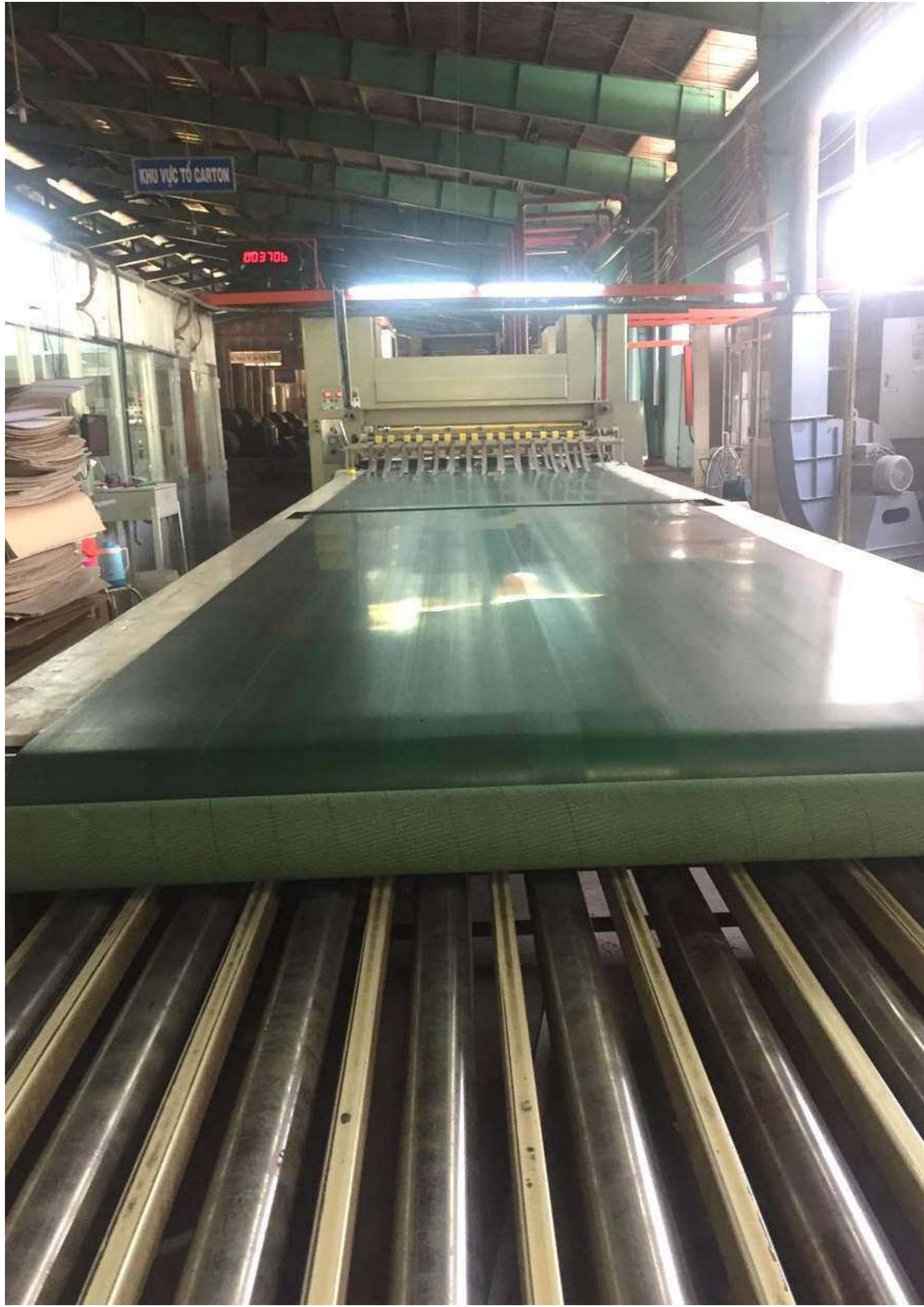


TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ

❖ Các khoản đầu tư lớn

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Thời gian ký kết	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng
1	Nhà máy giấy Giao Long – giai đoạn 2 (MMTB)	BELLMER GAPCON GMBH, GERMANY	25/05/2016	Năm 2017	3.275.000 EUR
2	Nhà máy giấy Giao Long – giai đoạn 2 (MMTB)	JIANGSU HUADONG PAPER MACHINERY CO., LTD.	30/04/2016	Năm 2017 & 2018	10.785.000 USD
3	Nhà máy giấy Giao Long – giai đoạn 2 (MMTB)	Andritz Technologies H. K . Limited	31/05/2016	Năm 2017	5.678.000 USD
4	Nhà máy giấy Giao Long – giai đoạn 2 (MMTB)	ABB PTE LTD	21/04/2017	Năm 2017 & 2018	2.745.777 USD
5	Nhà máy giấy Giao Long – giai đoạn 2 (MMTB)	Cty TNHH ĐT VÀ CNMT DƯƠNG NHẬT	28/03/2017	Năm 2017 & 2018	55 TỶ VND







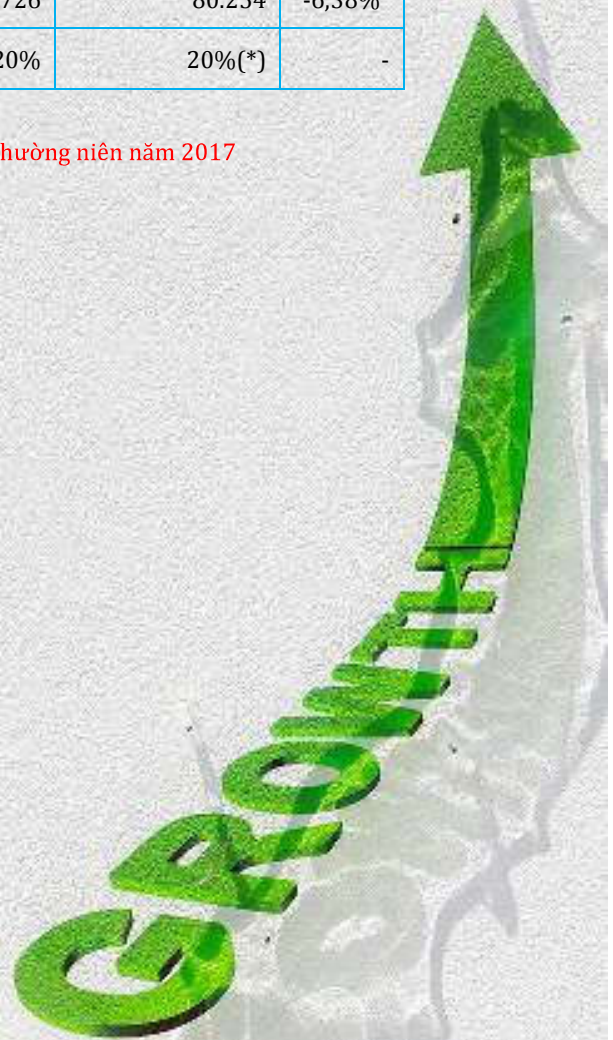
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Tr. đồng	629.632	1.289.945	104,87%
• Tài sản ngắn hạn	Tr. đồng	426.643	563.707	32,13%
• Tài sản dài hạn	Tr. đồng	202.990	726.239	257,77%
Doanh thu thuần	Tr. đồng	668.122	810.025	21,24%
Lợi nhuận gộp	Tr. đồng	123.484	131.867	6,79%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Tr. đồng	96.212	92.926	-3,42%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	96.949	93.285	-3,78%
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	85.726	80.254	-6,38%
Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	Tr. đồng	20%	20%(*)	-

❖ (*) Tỷ lệ chi trả cổ tức dự kiến theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2017

Tổng giá trị tài sản của Công ty trong năm 2017 biến động tăng mạnh 104,87% so với năm 2016, mức tăng này đến từ cả 2 khoản mục Tài sản dài hạn và Tài sản ngắn hạn. Nguyên nhân sự gia tăng khoản mục này là do mức tăng 524 tỷ đồng từ 5,18 tỷ đồng năm 2016 lên 529,64 tỷ đồng năm 2017 của khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang, đã làm cho tài sản dài hạn tăng lên 726,24 tỷ đồng. Trong khi đó tài sản ngắn hạn cũng tăng 32,13%, chủ yếu đến từ khoản mục hàng tồn kho, tiền và các khoản tương đương tiền. Tại khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền chủ yếu là tiền gửi ngân hàng kì hạn có thời gian đáo hạn dưới 3 tháng. Mặc dù hàng tồn kho lên đến 224,60 tỷ đồng nhưng chiếm tỷ trọng lớn là nguyên vật liệu, cho thấy công tác bán hàng vẫn tốt khi lượng thành phẩm chiếm tỷ trọng rất thấp.

Doanh thu thuần tuy tăng trưởng 21,24% nhưng lợi nhuận sau thuế giảm nhẹ 6,38%. Nguyên nhân do giá giấy dầu vào năm nay thường xuyên biến động và sự cạnh tranh từ các đối thủ. Dẫn đến lợi nhuận gộp chỉ tăng trưởng 6,79% so với năm 2016.



❖ Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2016	Năm 2017
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,93	1,71
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,42	1,03
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
-	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	0,17	0,45
-	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	0,21	0,81
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
-	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	9,74	4,83
-	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	1,06	0,84
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	12,83%	9,91%
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	16,45%	13,03%
-	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	13,62%	8,36%
-	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	14,40%	11,47%





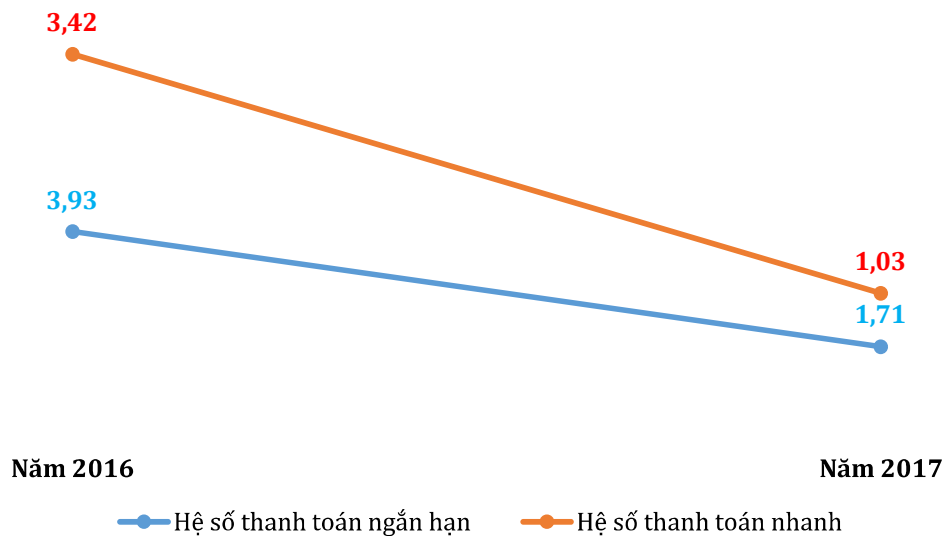
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

❖ Khả năng thanh toán

Hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh năm 2017 đều giảm so với năm 2016 và lần lượt đạt các mức 1,71 lần và 1,03 lần. Với việc hàng tồn kho tăng hơn 168,67 tỷ đồng tương ứng 301,57% so với năm 2016 đã góp phần làm tài sản ngắn hạn năm qua tăng 32,13% khi đạt 563,71 tỷ đồng so với 426,64 tỷ đồng cùng kỳ. Tuy nhiên tỷ lệ gia tăng của nợ ngắn hạn lên đến 204,30%, khi tăng từ 108,46 tỷ đồng lên 330,06 tỷ đồng, là nguyên nhân làm cho hệ số thanh toán giảm mạnh. Cụ thể khoản mục nợ ngắn hạn tăng chủ yếu đến từ khoản phải trả người bán ngắn hạn khi tăng từ 43,61 tỷ đồng lên 214,43 tỷ đồng. Sự gia tăng của khoản mục này đến từ 2 nhà cung ứng giấy lớn là Công ty Newport CH International LLC (49,29 tỷ đồng), Công ty Potential Industries INC (19,52 tỷ đồng), cùng với những nhà cung ứng khác.

Mặc dù hệ số năm nay có giảm nhưng không ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của DOHA-CO. Do Công ty chủ động tích trữ nguồn nguyên liệu đầu vào nhằm đảm bảo nguồn cung ổn định cho các hợp đồng sắp tới, khi Ban lãnh đạo dự đoán giá giấy phế liệu sẽ tiếp tục tăng trong thời gian tới. Minh chứng cho điều đó là hàng tồn kho của DOHA-CO chiếm tỷ trọng 94,71% là nguyên vật liệu và hàng đang đi đường. Trong khi đó thành phẩm chiếm chưa đến 5% trong cơ cấu hàng tồn kho.

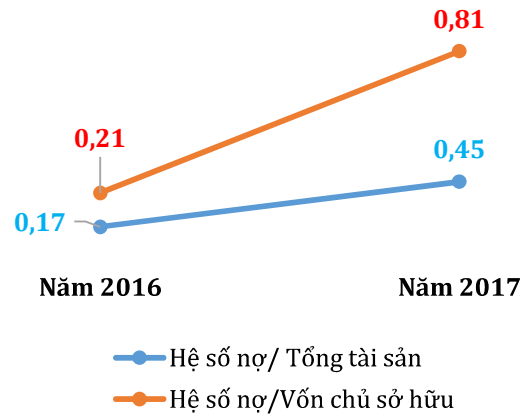
Chỉ tiêu khả năng thanh toán



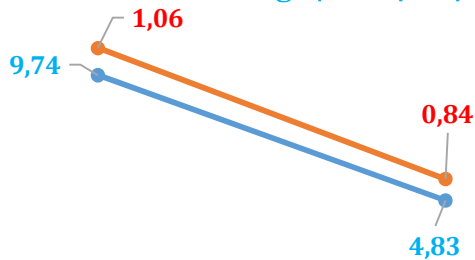
❖ Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Nhìn chung, nợ chiếm tỷ trọng khá thấp trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty. Hệ số nợ/ tổng tài sản năm 2017 là 0,45 lần tăng nhẹ so với mức 0,17 lần năm 2016. Các khoản mục trong cơ cấu vốn đều tăng so với năm 2016 nhưng sự tăng trưởng nợ phải trả lớn hơn các khoản mục còn lại. Cụ thể nợ phải trả năm 2017 tăng 433,66% đạt mức 578,82 tỷ đồng so với 108,46 tỷ đồng, sự gia tăng đến từ cả 2 khoản mục trong cơ cấu nợ. Trong đó nợ ngắn hạn tăng 221,59 tỷ đồng do tăng trưởng của khoản mục phải trả người bán ngắn hạn, còn nợ dài hạn tăng 248,77 tỷ đồng đến từ các khoản vay tài chính dài hạn từ ngân hàng Vietcombank chi nhánh Tiền Giang. Khoản vay này được sử dụng cho công tác đầu tư xây dựng nhà máy Giao Long giai đoạn 2.

Chỉ tiêu cơ cấu vốn



Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Năm 2016

Năm 2017

— Vòng quay hàng tồn kho
— Vòng quay tổng tài sản

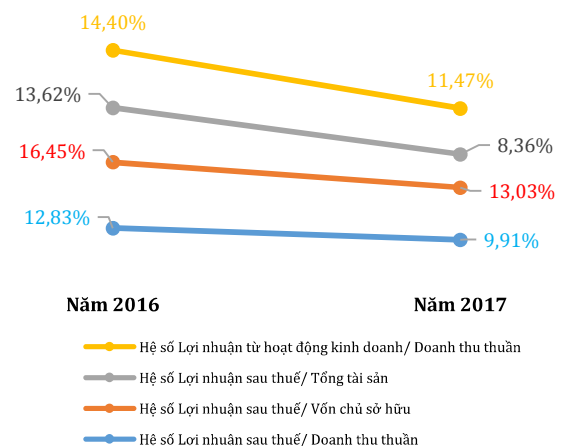
❖ Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Các chỉ tiêu về năng lực hoạt động có những biến động nhất định trong năm vừa qua, khi vòng quay hàng tồn kho giảm từ 9,74 vòng xuống còn 4,83 vòng, vòng quay tổng tài sản giảm từ 1,06 vòng xuống còn 0,84 vòng. Do sự gia tăng của giá vốn hàng bán và doanh thu thuần năm qua không lớn bằng sự gia tăng của hàng tồn kho và tổng tài sản. Với kế hoạch dự trữ nguyên vật liệu trong thời gian tới là nguyên nhân cho sự suy giảm của vòng quay hàng tồn kho. Trong khi đó sự gia tăng khoản mục chi phí xây dựng cơ bản dở dang của dự án nhà máy Giao Long giai đoạn 2 đã tạo nên sự biến động của vòng quay tổng tài sản.

❖ Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhìn chung những chỉ số về khả năng sinh lời năm nay có những thay đổi nhất định. Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần giảm từ 12,83% xuống còn 9,91%, ROE giảm từ 16,45% xuống 13,03%. Như đã phân tích ở trên, sự gia tăng trong tổng tài sản của Công ty trong năm qua tăng nhanh hơn doanh thu nên ROA năm 2017 có sự thay đổi lớn hơn so với ROE, ghi nhận sự sụt giảm từ 13,62% xuống 8,36%. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần cũng giảm từ 14,40% xuống còn 11,47%, điều này cho thấy tính cạnh tranh ngày càng gia tăng trong ngành và biến động giá vật liệu trong năm đã ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Năm 2016

Năm 2017

— Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần
— Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản
— Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu
— Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

❖ Cổ phần

- Vốn điều lệ: 344.597.690.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành: 34.459.769 cổ phiếu
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
 - Cổ phiếu thường: 34.459.769 cổ phiếu
 - Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 34.459.769 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

❖ Cơ cấu cổ đông tại ngày 06/11/2017

STT	Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cp nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cổ đông trong nước	713	21.851.008	63,41%
	Cổ đông nhà nước	0	0	0,00%
	Cổ đông khác	713	21.851.008	63,41%
2	Cổ đông nước ngoài	54	12.608.761	36,20%
	Tổng	767	34.459.769	100%



❖ **Danh sách cổ đông lớn tại ngày 06/11/2017**

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
1	Lê Quang Hiệp	178 BIS Lý Chính Thắng, Phường 7, Quận 3, TP.HCM	2.785.615	8,08%
2	Lê Bá Phương	A303 Nam Long 2, Phú Mỹ Hưng, P.Tân Phong, Quận 7, TPHCM	1.972.347	5,72%
3	Lương Văn Thành	08 Mỹ Giang 2A, Phú Mỹ Hưng, P.Tân Phong, Q.7, Tp.HCM	1.923.400	5,58%
4	Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI	Tầng 5, số 1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	2.234.375	6,48%
5	DAIVVA-SSIAM VIETNAM GROVVTH FUND II L.P.	PO Box 309, Ugland House Grand Cayman KY1-1104	4.915.625	14,26%
6	Kingsmead Vietnam And Indochina Grovvth Master Fund	190 Elgin Avenue, George Town, Grand Cayman, KY1-9001, Cayman Islands	2.413.463	7,00%
7	Nguyễn Thị Thủy	90/5 Nguyễn Khoái, P.2, Q.4 Tp.HCM	1.950.944	5,66%
Tổng cộng			18.195.769	52,80%

❖ **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Trong năm 2017, Công ty đã thực hiện chào bán thành công 5.116.920 cổ phiếu ra công chúng thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Vốn điều lệ hiện nay đạt 344.597.690.000 đồng.

❖ **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có

❖ **Các chứng khoán khác:** Không có





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

❖ Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất giấy với tính chất đặc thù tác động đến môi trường xung quanh. Tuy nhiên, DHC luôn ý thức xây dựng một môi trường làm việc xanh, sạch đẹp và an toàn cũng như hướng đến hình ảnh những nhà máy thân thiện với môi trường. Với sự đồng bộ trong ứng dụng khoa học kỹ thuật cũng như hệ thống quản lý và phần mềm kỹ thuật, sử dụng công nghệ thiết bị tiên tiến, thân thiện với môi trường đã giúp DHC chủ động và đáp ứng các tiêu chí xây dựng bền vững, tiết kiệm nước, sử dụng hiệu quả năng lượng và bảo vệ môi trường.

Trong năm 2017, chi phí nguyên vật liệu thường xuyên biến động, đặc biệt giá giấy phế liệu có chiều hướng tăng dần vào cuối năm. Ý thức được tầm ảnh hưởng của chi phí nguyên vật liệu nên những năm qua, Công ty đã tiến hành tối giản hóa quy trình làm việc cũng như tăng cường hiệu suất của người lao động nhằm tiết kiệm chi phí. Ngoài ra, không ngừng nghiên cứu công nghệ, cải tiến các thành phần khác trong quá trình hoạt động, qua đó sử dụng hiệu quả nguồn nguyên liệu. Công ty luôn chú trọng sử dụng nguyên vật liệu thân thiện với môi trường và có thể tái chế, tái sử dụng được. Ngoài ra, Công ty cũng có những quy định về bảo quản hóa chất dùng trong xử lý rác thải, để tránh trường hợp lạm dụng hóa chất, gây ô nhiễm môi trường sống.

❖ Tiêu thụ năng lượng trong năm

Điện năng là nguồn năng lượng tiêu thụ chủ yếu của DOHA-CO. Hằng năm Công ty sử dụng năng lượng hoạt động tại văn phòng Công ty và các nhà máy sản xuất. Được cung cấp bởi Công ty điện lực Bến Tre – điện lực Châu Thành. Trong năm 2016, sản lượng điện sử dụng:

- Trung bình 1.967.408 kWh/tháng (tháng 1,2,3 năm 2017).
- Trung bình 2.183.740 kWh/tháng (tháng 04 đến tháng 09 năm 2017).
- Trung bình 2.276.015 kWh/tháng (tháng 10,11,12 năm 2017).

❖ Tiêu thụ nước

Công ty sử dụng nước cho mục đích sản xuất và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, nấu ăn, tưới cây, tưới đường với lưu lượng sử dụng:

- Trung bình 23.927 m³/tháng (tháng 1,2,3 năm 2017).
- Trung bình 26.527 m³/tháng (tháng 04 đến tháng 09 năm 2017).
- Trung bình 25.894m³/tháng (tháng 10,11,12 năm 2017).

❖ Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Sản xuất bao bì giấy là hoạt động gây ra ô nhiễm môi trường nguyên nhân gây ô nhiễm chính là:

- Ô nhiễm chất thải (nước thải và chất thải rắn).
- Ô nhiễm không khí (bụi, tiếng ồn,...).

❖ Ô nhiễm chất thải

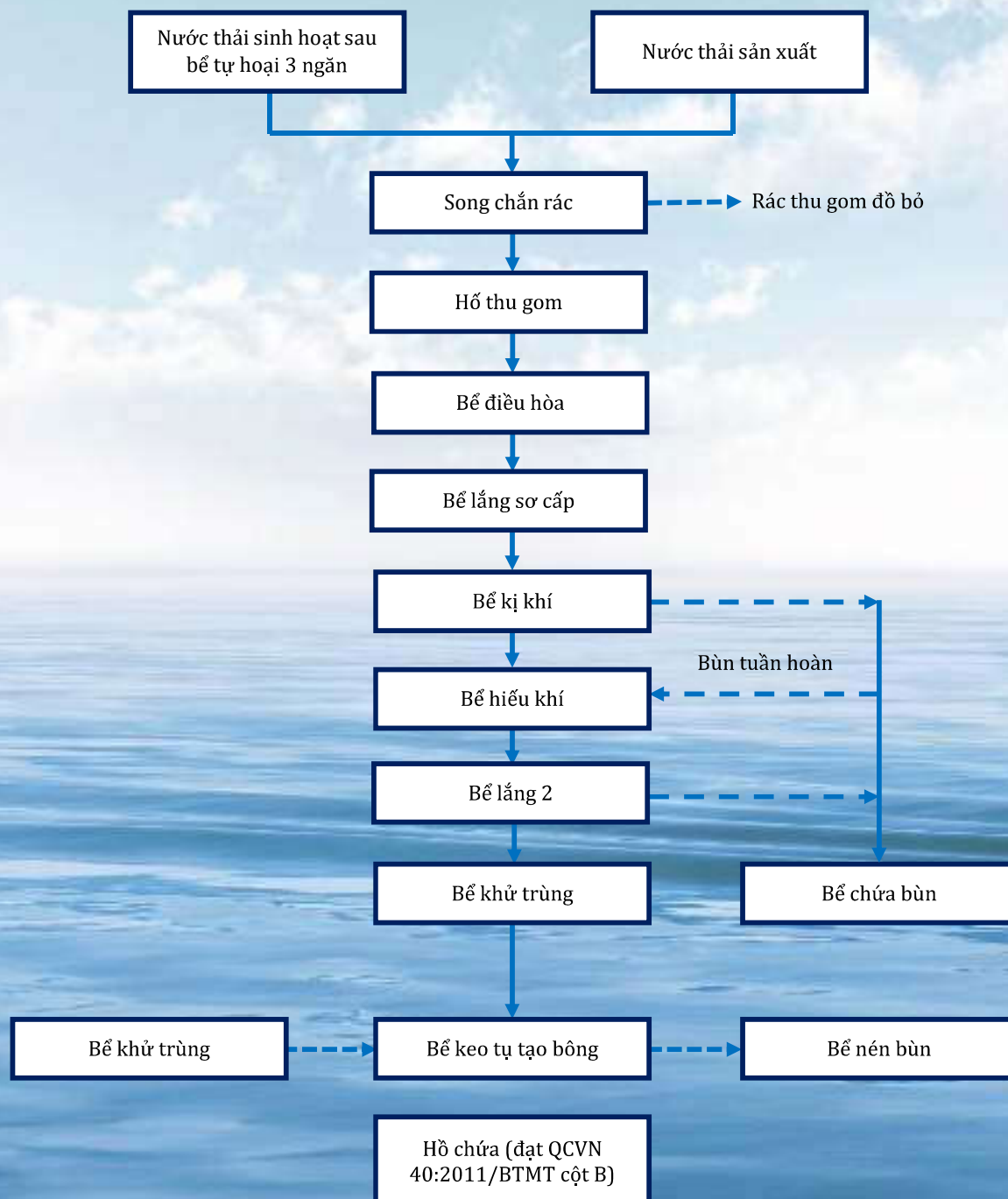
Nước thải

- Nước mưa: nước mưa khi rơi xuống chảy trên mặt đất cuốn theo bụi, rác sẽ bị nhiễm bẩn. Bên cạnh đó, nếu nước mưa chảy tràn vào khu vực chứa dầu nhớt và chất bẩn độc hại thì càng làm tăng mức độ nhiễm bẩn của nước. Công ty đã tiến hành quy hoạch thoát nước mưa nhằm tránh tình trạng nước mưa bị tắc nghẽn gây ra chảy tràn sang các khu vực nguy hiểm.
- Nước thải sinh hoạt: nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà ăn, bồn rửa tay của nhân viên, các nhà vệ sinh sẽ được thu gom, dẫn vào hệ thống bể tự hoại 3 ngăn (xây dựng theo các nhà vệ sinh có chức năng lắng và phân hủy cặn lắng) để xử lý sơ bộ trước khi dẫn vào hệ thống gom nước thải của Công ty để đưa vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nước thải sản xuất: nước thải sản xuất của Công ty chủ yếu phát sinh từ quy trình sản xuất giấy kraft như công đoạn thủy lực, cô đặc, xeo giấy ... và chứa các thành phần gây tác động xấu đến môi trường, sức khỏe con người như TSS, COD, BOD₅. Hiện tại Công ty đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 1.000 m³/ngày với quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải tập trung và toàn bộ nước thải từ hoạt động sản xuất sẽ được thu gom, đưa về hệ thống này để xử lý.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



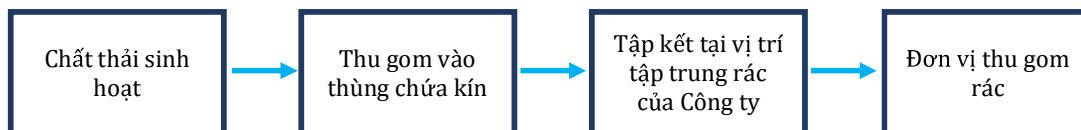




BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

❖ Chất thải rắn

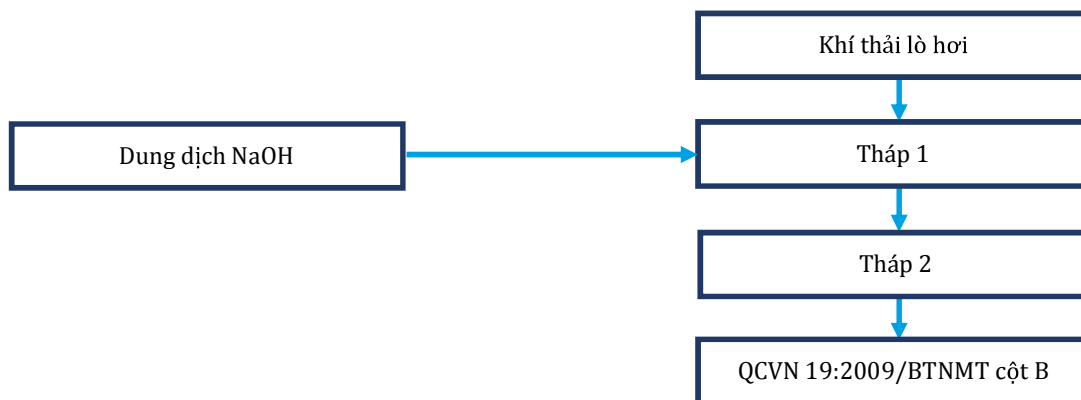
- ✓ Chất thải rắn sinh hoạt: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Công ty được quản lý theo sơ đồ:



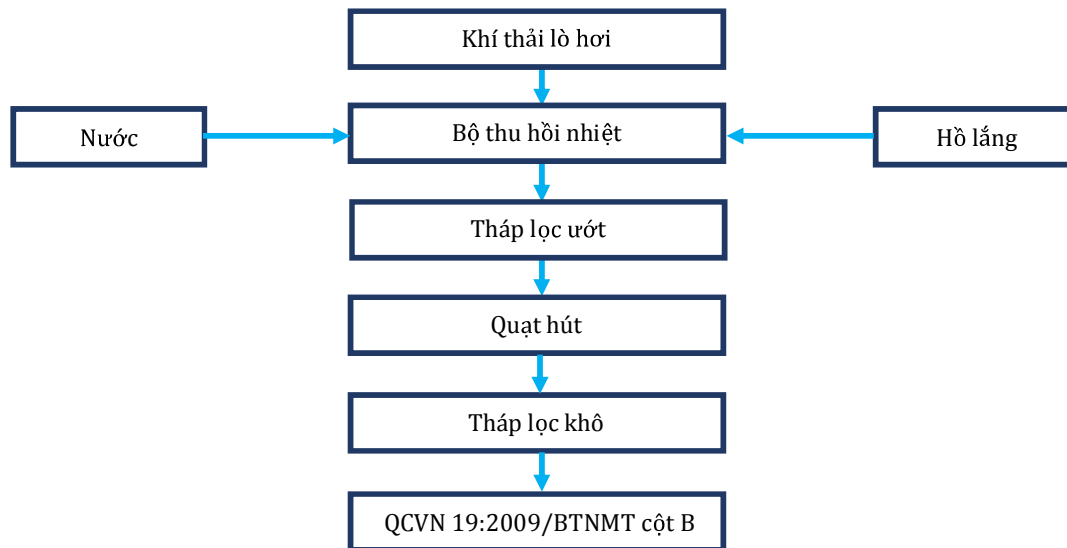
- Chất thải rắn công nghiệp không nguy hại: các chất thải rắn từ giấy sẽ được tái chế; chất thải rắn như nylon, nhựa, đất cát phát sinh từ quá trình đốt sẽ được Công ty TNHH Kỹ thuật Môi trường Bắc Nam thu gom cùng với rác thải sinh hoạt theo hợp đồng đã ký với Công ty.
- Chất thải rắn nguy hại: việc thu gom và xử lý rác thải nguy hại được tiến hành theo đúng hướng dẫn của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính Phủ và Thông tư 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường. Hiện tại Công ty đã ký hợp đồng thu gom rác thải nguy hại với Công ty TNHH MTV TM-DV-MT Huỳnh Kim Nhật. Trong thời gian lưu trữ tại Công ty, lượng rác thải nguy hại này sẽ được bố trí riêng trong nhà chứa chất thải nguy hại và có kế hoạch thu gom vận chuyển linh hoạt.
- Tại nhiều nơi trong khu vực sản xuất và văn phòng Công ty bố trí các thùng rác loại 30 lít và 240 lít và hàng ngày rác thải sẽ được nhân viên vệ sinh thu gom, vận chuyển đến vị trí tập trung để đơn vị có chức năng đến xử lý.

❖ Ô nhiễm không khí

- Hệ thống lò hơi của Nhà máy Bao bì Bến Tre sử dụng nhiên liệu củi. Nhằm giảm thiểu ô nhiễm do hoạt động của lò hơi, Công ty đã lắp đặt hệ thống xử lý khói thải cho lò hơi đốt củi với quy trình công nghệ xử lý khói thải:



- Hệ thống lò hơi của Nhà máy giấy Giao Long sử dụng nhiên liệu đốt là trấu. Nhằm giảm thiểu ô nhiễm do hoạt động của lò hơi, Công ty đã lắp đặt hệ thống xử lý khói thải cho lò hơi đốt trấu với quy trình công nghệ xử lý khói thải:



Tổng kết lại, có thể thấy mặc dù đang kinh doanh sản xuất trong ngành nghề gây ảnh hưởng lớn đến môi trường nhưng Công ty vẫn luôn tuân thủ đúng các tiêu chuẩn, quy tắc và luật định nhằm xây dựng một môi trường sản xuất ổn định và bền vững. Theo đó, trong năm Công ty không bị xử phạt về vi phạm quy định về bảo vệ môi trường





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

❖ Chính sách liên quan đến người lao động

Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:
 - Số lượng cán bộ công nhân viên lao động: Tổng số lao động đến tháng 12/2017 là 403 người
 - Mức lương trung bình: 7.300.366 đồng/người/tháng. Việc trả lương gắn liền với từng vị trí chức danh, hiệu quả công việc và hiệu quả kinh doanh của công ty.
- Công tác đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:
 - Công ty thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động như: khám sức khỏe định kỳ, khám chuyên sâu phân loại bệnh nghề nghiệp cho Người lao động; các chức danh nghề thuộc nhóm nặng nhọc độc hại đều được phụ cấp theo quy định; trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân theo tính chất công việc ..v.v...
 - Tuân thủ, thực hiện đầy đủ các qui định, nội qui, qui trình thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ) nhất là công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC).
 - Trang bị bảo hộ lao động, thực hiện đo kiểm môi trường lao động. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, tự kiểm tra, đôn đốc thực hiện các biện pháp an toàn lao động tại đơn vị. Kết quả, trong năm 2017, Công ty không để xảy ra tai nạn lao động.
- Hoạt động đào tạo Người lao động: Công tác đào tạo huấn luyện luôn là mục tiêu quan trọng của công ty. Trong năm 2017, Công ty đã tổ chức cho người lao động cập nhật nâng cao kiến thức nghiệp vụ và đảm bảo an toàn lao động; Bồi dưỡng kỹ năng nghề cho công nhân sản xuất và lao động phổ thông.

❖ Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

DOHA-CO luôn coi trọng hình ảnh và uy tín của mình trên thị trường, do đó tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường là một vấn đề quan trọng mà công ty quan tâm thực hiện và đảm bảo thực hiện. Trong năm 2017 vừa qua, quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn diễn ra theo đúng kế hoạch, tuy nhiên, không có trường hợp vi phạm pháp luật về môi trường và không có trường hợp khiếu nại về tiếng ồn, khói bụi hay đời sống sức khỏe,... trong phạm vi hoạt động.

Ngoài ra, Công ty hoàn toàn tuân thủ các chính sách an sinh xã hội của địa phương vùng hoạt động với mong muốn góp một phần lợi ích vào sự phát triển chung của xã hội. Đồng thời luôn quan tâm và tạo điều kiện để đóng góp vào các quỹ phát triển địa phương, các dự án xây dựng của địa phương; tham gia tích cực vào các hoạt động đoàn thể, các công tác giáo dục về pháp luật về kiến thức cần thiết cho người dân; vận động kế hoạch hóa gia đình, phòng chống bệnh và dịch bệnh; tổ chức và tham gia các phong trào xanh, sạch, vệ sinh của địa phương; cứu trợ, từ thiện,... Cụ thể:

- Tham gia chương trình Nhịp cầu Nhân ái, hỗ trợ các hoàn cảnh khó khăn trong địa bàn tỉnh.
- Hỗ trợ tặng quà tết cho các hoàn cảnh khó khăn, quà trung thu cho các bé thiếu nhi
- Hỗ trợ kinh phí cho các hoạt động chào mừng lễ lớn trong năm: ngày thương binh liệt sĩ 27/7, Giỗ tổ Hùng Vương,...



- ❖ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- ❖ Tình hình tài chính
- ❖ Những cải tiến trong năm
- ❖ Kế hoạch phát triển trong tương lai
- ❖ Báo cáo về trách nhiệm với môi trường và xã hội





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

❖ **Đánh giá tình hình chung**

Trong năm 2017, kinh tế nước ta vẫn trong đà tăng trưởng nhanh hơn so với nền kinh tế toàn cầu, các xu hướng hội nhập quốc tế và việc Việt Nam ký kết các Hiệp ước thương mại tự do FTA đã mang lại những cơ hội cũng như thách thức đối với hoạt động sản xuất và kinh doanh của các doanh nghiệp nội địa. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều tồn đọng trong nền kinh tế Việt Nam như chất lượng tăng trưởng chưa đồng nhất và năng suất lao động còn thấp trong khu vực.

Tuy nhiên, với những chính sách, đường lối đổi mới của Nhà nước, nhất là trên lĩnh vực kinh tế đã phần nào hỗ trợ kịp thời và tạo điều kiện cho Công ty có cơ hội đầu tư mở rộng và đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, xây dựng và phát triển thương hiệu. Nhờ đó, các hoạt động sản xuất kinh doanh của DOHA-CO năm 2017 đã được duy trì và tăng trưởng so với năm 2016.

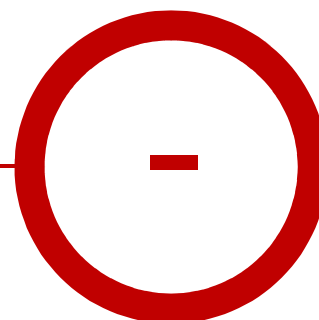
❖ **Khó khăn:**

- Công ty chưa lập được nhiều trạm thu mua giấy phế liệu nên tình hình chuẩn bị nguyên liệu cho sản xuất còn rất khó khăn. Trong khi nguồn cung trong nước không đáp ứng được nhu cầu sản xuất thì nguồn nguyên liệu nhập khẩu lại tăng cao do chính sách từ Trung Quốc gây khó khăn trong công tác chuẩn bị thu mua nguyên liệu cho sản xuất. Ngoài ra nhiều nhà máy cạnh tranh trong quá trình thu mua nguyên liệu cũng góp phần ảnh hưởng lợi nhuận năm qua của DOHA-CO.
- Công tác khai thác bán hàng thùng carton còn yếu, chủ yếu tập trung vào đơn hàng nhỏ lẻ và còn phụ thuộc vào khách hàng chế biến thủy sản, chăm sóc khách hàng cũng chưa được hiệu quả. Công tác thu hồi nợ còn chậm, nhiều khách hàng kéo dài thời gian thanh toán.
- Có thêm nhiều nhà máy cùng ngành với giá cạnh tranh (Vinakraft, Chánh Dương, Lee-man, Giấy Sài Gòn, Xuân Mai, Thuận An,...), đặc biệt là các nhà máy giấy mới do nước ngoài đầu tư, có công suất và trình độ công nghệ cao.
- Việc thu hút nhân lực chất lượng cao khá khó khăn đối với địa bàn hoạt động.
- Nhà máy nằm xa cảng và các khách hàng lớn nên chi phí vận chuyển cao.



❖ **Thuận lợi:**

- Tình hình kinh tế vĩ mô trong nước tương đối ổn định, tốc độ tăng trưởng GDP tăng so với năm 2016 và vượt mục tiêu Chính phủ đề ra. Tuy nhiên, trước tình hình bất ổn và biến động của nền kinh tế thế giới trong năm qua mà DHC vẫn duy trì được tình hình quản trị và kinh doanh với mức tăng trưởng ổn định là điều đáng khích lệ. Bên cạnh đó, tỷ lệ lạm phát được kiểm soát ở mức thấp, lãi vay ổn định, tỷ giá biến động không đáng kể tạo tiền đề cho sự tăng trưởng cho DHC trong thời gian tới.
- Tình hình sản xuất kinh doanh của DOHA-CO trong năm 2017 tương đối tốt. Công ty đã có nhiều cố gắng trong công tác bán hàng, sản xuất. Trong Công ty, máy móc hoạt động tốt và luôn được kiểm tra định kỳ; đội ngũ cán bộ công nhân viên đoàn kết và làm chủ công nghệ; sản phẩm sản xuất ra với số lượng và chất lượng ngày càng tăng.
- Trong năm, với sự hỗ trợ từ Ban lãnh đạo và các phòng ban của DOHA-CO, Ban Quản lý Dự án đã hoạt động và triển khai thực hiện Dự án Nhà máy giấy Giao Long – giai đoạn 2 hiệu quả và đạt tiến độ đề ra.
- Nhà máy giấy Giao Long vừa sản xuất giấy kraft công nghiệp bán ra ngoài thị trường vừa là nguồn cung cấp nguyên liệu cho Nhà máy Bao bì hoạt động. Do đó sẽ ít chịu sự biến động nguồn cung hơn các nhà máy thuần về sản xuất bao bì giấy.
- Công ty nằm trên Địa bàn Đồng bằng sông Cửu Long thuận lợi sử dụng nguồn nguyên liệu đốt trấu giá rẻ, thân thiện với môi trường.
- Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008, ISO 14001:2004 từ năm 2005 và đang chuyển đổi sang phiên bản mới năm 2015. Công tác dự phòng thiết bị, phụ tùng thay thế được chuẩn bị đầy đủ.
- Thương hiệu DOHA-CO và Giấy Giao Long được phát triển mạnh mẽ trên thị trường là điều kiện thuận lợi đẩy mạnh phát triển Công ty.
- Công ty có được các chính sách ưu đãi đầu tư như ưu đãi về thuế, giá thuê đất,...
- Hệ thống cơ sở vật chất, máy móc, thiết bị hỗ trợ của Công ty đa dạng, hiện đại, đáp ứng đầy đủ nhu cầu cho các công trình cũng như hoạt động quản lý, kinh doanh và sản xuất.





ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 trong bối cảnh vô cùng khó khăn, các chỉ tiêu vẫn được duy trì. Công ty đã thực hiện như sau:

❖ Công tác điều hành sản xuất:

- Công tác tổ chức và triển khai chỉ đạo được đẩy mạnh, cập nhật đổi mới và bám sát các mục tiêu đã đặt ra đầu năm. Đánh giá chung về hoạt động điều hành sản xuất được thực hiện khá tốt. Tập thể lãnh đạo và các cán bộ nhân viên trên tinh thần tập trung nội lực, áp dụng ý tưởng điều hành sáng tạo, thân thiện, tạo ra các liên kết và sự phối hợp nhịp nhàng giữa các nhân viên, các đơn vị và toàn công ty.
- Tăng cường chất lượng sản phẩm, tránh khiếu nại, phản hồi từ khách hàng. Nâng tỷ trọng và sản lượng các sản phẩm chủ lực, đặc biệt là giấy tesliner.
- Xây dựng kiểm soát định mức tiêu hao nguyên vật liệu trong sản xuất một cách hợp lý.
- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng sản phẩm xuyên suốt trong quá trình sản xuất ổn định, đồng thời kiểm soát và phòng ngừa sản phẩm sai hỏng lớn xảy ra, khống chế định mức chi phí sản xuất hợp lý an toàn theo quy định...nhằm mục tiêu giảm giá thành sản phẩm.
- Xây dựng phong trào phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật nâng cao chất lượng hạ giá thành sản phẩm
- Việc lấy kết quả chăm sóc đời sống tinh thần và vật chất, vận dụng các chính sách tiền lương hợp lý, khuyến khích lao động chuyên cần và hiệu quả, nâng cao trách nhiệm của cá nhân đối với công ty và cộng đồng. Nhờ vậy, năng suất lao động tại các đơn vị được nâng cao dù áp lực cạnh tranh trên thị trường ngày càng tăng cao.
- Với xu hướng hiện đại hóa, Công ty cũng đã nhanh chóng cập nhật các phiên bản điều hành quản lý tự động, cập nhật các công nghệ đồng bộ, phân cấp quản lý để có thể dễ dàng điều hành các hoạt động cũng như giảm bớt thời gian và công sức trong việc kiểm tra định kỳ hay điều hành sản xuất, nhất là khi Công ty đang dần phát triển và có ý định mở rộng hoạt động kinh doanh, sản xuất như hiện tại.

❖ Công tác bán hàng

- Sức mua đối với hàng hóa của Công ty hiện chịu nhiều áp lực do các đối thủ cạnh tranh tăng từ việc hội nhập quốc tế, mở cửa kinh tế và tự do thuế quan. Tuy nhiên, nhờ các mối quan hệ kinh doanh bền chặt cũng như công tác bám sát và nắm bắt thị trường kịp thời, Công ty đã linh hoạt chuyển đổi hướng tiếp cận các khách hàng tiềm năng và đối tác phù hợp để có thể ổn định và tăng cường đầu ra cho các sản phẩm. Thêm vào đó, Công ty hiện đang mở rộng hệ thống phân phối, xây dựng thêm các dự án mới và không ngừng cập nhật xu hướng thị trường.
- Hàng tồn kho tính đến thời điểm 31/12/2017 tăng mạnh so với 2016 dẫn đến việc chi phí quản lý hàng tồn kho như phí thuê kho và bảo quản tăng thêm, tuy nhiên chi phí này không quá cao so với tỷ lệ tăng trưởng của Công ty nên vẫn có thể được bù đắp mà không tạo ra gánh nặng chi phí nào. Đặc biệt do loại hình giấy, bao bì carton không tốn quá nhiều chi phí bảo quản hay giới hạn thời gian nên việc hàng tồn kho để lâu sẽ ít ảnh hưởng đến chất lượng và tính năng của mặt hàng.
- Công ty vẫn đang duy trì thị phần bán hàng tại các vùng chủ lực như Đồng bằng Sông Cửu Long, thành phố Hồ Chí Minh, tam giác Đông Nam bộ. Đồng thời định hướng sẽ mở rộng thị trường sang miền Bắc và chú trọng hơn vào thị trường xuất khẩu.
- Mặc dù doanh thu bán hàng của DOHA-CO vẫn chủ yếu tại thị trường trong nước do tiềm năng nội địa vẫn còn lớn và công ty còn có khả năng khai thác, nhưng không vì thế mà Công ty xem nhẹ thị trường xuất khẩu đầy tiềm năng và thách thức. Tiếp tục chú trọng công tác duy trì, củng cố các khách hàng cũ, hoàn thiện các dịch vụ chăm sóc khách hàng, đặc biệt là trong vấn đề khiếu nại sản phẩm cũng như đổi trả, bảo hành sản phẩm.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

❖ Công tác khoa học kỹ thuật và nghiên cứu phát triển

- Công ty đã đưa vào vận hành nhiều giải pháp công nghệ, nhiều máy móc loại mới; đây là yếu tố then chốt giúp DHC tiếp tục phát triển một cách bền vững trong môi trường hội nhập quốc tế đòi hỏi công nghệ hóa, hiện đại hóa như hiện nay.
- Công ty cũng chú trọng nghiên cứu phát triển sản phẩm tái chế, vừa thân thiện với môi trường vừa đáp ứng xu hướng tiêu dùng và góp phần củng cố nền tảng phát triển của Công ty.
- Công tác kỹ thuật, sửa chữa khoa học được vận dụng khá hiệu quả, nhất là khi doanh nghiệp chuyên sử dụng máy móc và thiết bị để sản xuất. Công ty đã hạn chế được tối đa các lỗi thiết bị, hư hỏng máy móc; đồng thời việc cập nhật, thống kê các hư hỏng và sản phẩm cần thay thế rất nhanh chóng và chủ động đã giúp quy trình sản xuất các mặt hàng được đảm bảo theo đúng kế hoạch.
- Công tác nghiên cứu, khảo sát các sản phẩm mới, thị trường mới cũng được duy trì và mang lại những kết quả có giá trị áp dụng để có thể triển khai trong tương lai.

❖ Công tác quản lý chất lượng

- Liên hệ, phối hợp các phòng chức năng với các nhà máy trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác quản lý chất lượng trên cơ sở làm việc nhóm triệt để, xử lý nhanh và dứt điểm các sự cố về chất lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm tăng và giảm thiểu hàng đổi trả, hư hỏng phải bảo hành. Tuy nhiên, vẫn chú trọng hình thức bên ngoài của sản phẩm để tăng tính cạnh tranh trên thị trường.
- Chất lượng sản phẩm đầu ra được kiểm tra nghiêm ngặt, phân tích và cải tiến chất lượng sản phẩm thông qua số liệu khảo sát, giám sát sử dụng và bảo quản nguyên vật liệu đã tạo được sự ổn định rất lớn cho khâu gia công bán thành phẩm.
- Công tác bảo hành sản phẩm luôn được quan tâm và cải tiến liên tục tạo ra sự thỏa mãn đối với người tiêu dùng ngày càng cao. Công ty tiếp tục duy trì và nâng cao đội ngũ chăm sóc khách hàng với các hoạt động giám định và trả lời kết quả đến khách hàng một cách nhanh nhất.







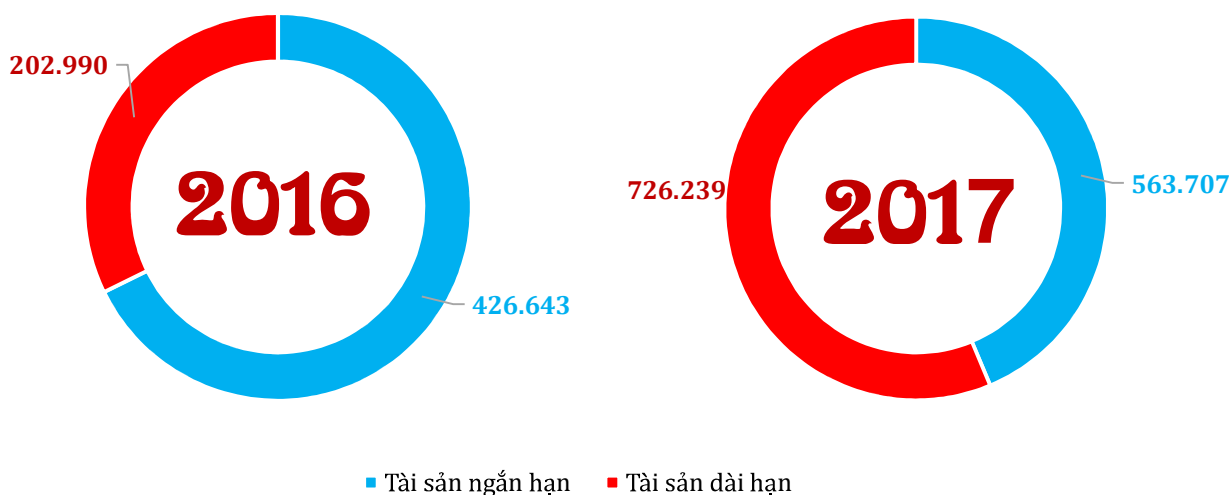
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

❖ Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016	2017	% tăng/giảm
Tài sản ngắn hạn	Tr. đồng	426.643	563.707	32,13%
Tài sản dài hạn	Tr. đồng	202.990	726.239	257,77%
Tổng tài sản	Tr. đồng	629.632	1.289.945	104,87%

Tổng tài sản của Công ty năm 2017 là 1.290 tỷ đồng, tăng 104,87% so với năm 2016 (629,63 tỷ đồng). Sự tăng trưởng đến từ việc gia tăng cả 2 khoản mục trong cơ cấu tài sản. Trong khi tài sản ngắn hạn tăng 32,13% từ 426,64 tỷ đồng lên 563,71 tỷ đồng, thì tài sản dài hạn lại tăng đến 257,77% lên mức 726,24 tỷ đồng so với 202,99 tỷ đồng năm 2016. Nguồn nguyên liệu dự trữ và chi phí xây dựng cho dự án Nhà máy Giao Long giai đoạn 2 là yếu tố tạo nên sự tăng trưởng mạnh mẽ của tình hình tài sản năm 2017.

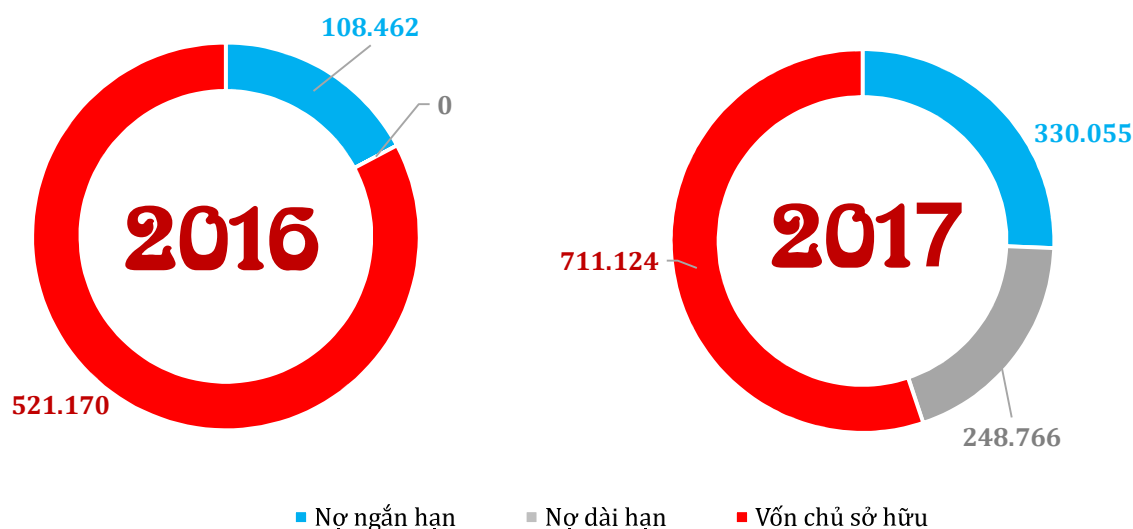
CƠ CẤU TÀI SẢN



❖ **Tình hình nợ phải trả**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	2016	2017	% tăng/giảm
Nợ ngắn hạn	Tr. đồng	108.462	330.055	204,30%
Nợ dài hạn	Tr. đồng	-	248.766	-
Tổng nợ phải trả	Tr. đồng	108.462	578.822	433,66%
Vốn chủ sở hữu	Tr. đồng	521.170	711.124	36,45%

Cơ cấu nợ và vốn năm 2017 đều gia tăng so với cùng kỳ. Tổng nợ phải trả tăng 433,66% đạt mức 578.82 tỷ đồng so với 108,46 tỷ đồng năm 2016 và vốn chủ sở hữu cũng đã tăng 36,45% từ 521,17 tỷ đồng lên 711,12 tỷ đồng. Thực hiện chào bán thành công 5.116.920 cổ phiếu ra công chúng là nguyên nhân làm cho nguồn vốn chủ sở hữu tăng 36,45% trong năm 2017. Trong khi đó các khoản vay tài chính từ các ngân hàng nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho dự án Nhà máy Giao Long – Giai đoạn 2 là yếu tố góp phần làm cho tổng nợ phải trả của Công ty tăng mạnh năm vừa qua.

CƠ CẤU NỢ



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

DOANH THU

852.000

TRIỆU ĐỒNG

Tăng 185,18% so với năm 2017

Căn cứ tốc độ phát triển của thị trường và năng lực sản xuất của Công ty cũng như dự báo về diễn biến sắp tới của nền kinh tế trong và ngoài nước, Ban điều hành xây dựng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong năm 2018 như sau:

Chỉ tiêu	TH 2017	KH 2018	% KH/TH 2017
Giấy Kraft (tấn)	61.784	61.000	98,73%
Bao bì (sản phẩm)	28.535.862	31.325.000	109,76%
Doanh thu thuần (triệu đồng)	810.025	852.000	105,18%
LNST (triệu đồng)	80.254	90.000	112,14%

❖ **Các biện pháp thực hiện:**

Về quản lý thực hiện: tiếp tục phát huy các phương thức truyền thống có hiệu quả là con người, đồng thời vận dụng các công nghệ quản lý, sắp xếp và bố trí lao động. Tăng cường, đề cao giá trị của các cán bộ nhân viên nhất là trong công tác phối hợp hoạt động. Các chương trình và chính sách quản lý vẫn phải luôn cập nhật và thay đổi linh hoạt để có thể phù hợp với lực lượng lao động của Công ty; khuyến khích, hỗ trợ các nhân viên tiêu biểu, làm việc hiệu quả; đồng thời xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, không thực hiện đúng các quy định liên quan trong công việc.



❖ **Các biện pháp thực hiện:**

Về Thị trường, khách hàng tiêu thụ và cung ứng:

Đối với giấy cuộn:

- Tăng cường công tác bán giấy tesliner, phấn đấu đạt tỷ lệ 60% giấy Tesliner – 40% Giấy Medium.
- Phát triển thị trường khách hàng để chuẩn bị cho Dự án Nhà máy giấy Giao Long giai đoạn 2.
- Lập các trạm thu mua giấy vụn để đáp ứng đủ nguyên liệu cho Nhà máy hoạt động.

Đối với bao bì:

- Tập trung công tác marketing khai thác, mở rộng thị trường tiêu thụ bao bì sang các ngành khác như dược phẩm, thực phẩm, giày da...
- Giảm đơn hàng nhỏ lẻ, tăng cường khai thác khách hàng lớn.

❖ **Các biện pháp thực hiện:**

Trong quá trình thực hiện sản xuất, kinh doanh: Nhanh chóng khắc phục các lỗi máy móc, các chi phí chìm, giảm thiểu chi phí cho các công đoạn điều tra và thực hiện không hiệu quả; tăng cường tiết kiệm tất cả các giá trị dư thừa và hư hỏng có thể tránh; linh hoạt sử dụng các công nghệ và máy móc hiện đại giúp giảm thiểu chi phí nhưng vẫn mang lại giá trị cao; đề cao và khuyến khích tính tự giác và trách nhiệm đối với công việc của người lao động.





NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM

Trong năm 2017 với sự ra đời của các nghị định, thông tư về việc quản trị Công ty, DHC vẫn đang trong quá trình hoàn thành Điều lệ và Quy chế Quản trị nội bộ theo đúng quy định pháp luật. Và nhằm hoàn thiện và ổn định hoạt động của các phòng ban, bộ phận; phân chia rõ ràng mục đích, hiệu quả và chức năng của từng bộ phận theo đúng chuyên môn và nghiệp vụ.

Trong công tác quản lý nguồn nhân lực, lựa chọn những lao động chất lượng cao, thực hiện việc phân công đúng người đúng việc, không có tình trạng lao động nhàn rỗi dẫn đến tổn hao chi phí quản lý Công ty. Ngoài ra, để tạo động lực cho người lao động tích cực hoạt động sản xuất, cống hiến ngày càng nhiều cho công ty, DHC cũng đặt ra những tiêu chuẩn khen thưởng trong công việc, khen thưởng những cá nhân, tập thể có kết quả lao động xuất sắc, hiệu quả, sáng tạo; thêm vào đó, chú trọng mối quan hệ hợp tác, liên kết, đồng bộ giữa các phòng ban để nhanh chóng giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan và tạo điều kiện gắn kết các nhân viên với nhau và với Công ty.





BÁO CÁO VỀ TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI



DHC luôn đề cao giá trị con người trong sự phát triển bền vững của Công ty. Nhằm tạo cho người lao động một môi trường làm việc thân thiện, năng động, nơi mà người lao động có thể phát huy hết khả năng của mình và định hướng sẽ cống hiến toàn tâm toàn ý cho sự phát triển của Công ty, DHC luôn đảm bảo các chế độ và chính sách đối với người lao động; tạo điều kiện thăm khám và chăm sóc sức khỏe định kỳ cho cán bộ công nhân viên; thực hiện đánh giá hàng năm để khen thưởng cho các cá nhân và phòng ban hoạt động tích cực, hiệu quả cũng như khuyến khích toàn bộ lực lượng lao động cống hiến hết mình, đoàn kết nội bộ để tạo ra sự vững bền cho Công ty.

Trong năm qua, Công ty đã thực hiện tốt các quy định về xử lý chất thải trong sản xuất ra môi trường tiếp nhận, vận động các cán bộ công nhân viên thực hiện dọn vệ sinh nơi làm việc, tạo môi trường làm việc trong lành, làm nên một nếp sống văn minh trong mỗi cá nhân người lao động. Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện trồng cây xanh quanh nơi làm việc nhằm tạo thêm mảng xanh nơi làm việc, góp phần tạo tâm lý thoải mái cho người lao động. Các chất thải từ quá trình sản xuất luôn được kiểm soát và có biện pháp xử lý phù hợp để không gây ảnh hưởng đến con người cũng như môi trường xung quanh.

Công ty cũng thường xuyên tổ chức những buổi công tác xã hội, đền ơn đáp nghĩa nhằm đóng góp một phần vào sự phát triển của xã hội, chăm lo đời sống cho những mảnh đời bất hạnh, những người đã có công với đất nước trong các cuộc chiến tranh trên toàn đất nước; thể hiện thái độ tốt và trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương mà công ty đang hoạt động kinh doanh, đặc biệt là khu vực cộng đồng gần nơi sản xuất.



- ❖ Về các mặt hoạt động của Công ty
- ❖ Về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- ❖ Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị





VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trải qua năm 2017, với sự phục hồi và tăng trưởng ổn định của nền kinh tế thế giới, hoạt động thương mại và toàn cầu hóa diễn ra sôi động tác động tích cực tình hình kinh tế trong nước. Với những dấu ấn tăng trưởng đáng ghi nhận của kinh tế Việt Nam như: Tốc độ tăng trưởng GDP cán mốc 6,81%; lạm phát được kiểm soát trong giới hạn cho phép (thấp hơn mục tiêu 5% Chính phủ đề ra); hoạt động xây dựng tăng trưởng với tốc độ 8,7%. Đồng thời môi trường kinh doanh trong nước đang dần được cải thiện với chủ trương triển khai quyết liệt các giải pháp ổn định phát triển kinh tế vĩ mô của Chính phủ. Đã tạo nên những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của DOHA-CO trong năm vừa qua.





VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Trong năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện chỉ đạo và giám sát chặt chẽ đối với Ban Giám đốc, nhờ đó làm tăng hiệu quả hoạt động cũng như trách nhiệm làm việc của Ban Giám đốc.

- Hoàn thành báo cáo và công bố thông tin đúng thời hạn Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016, Báo cáo thường niên năm 2016.
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 của Công ty vào ngày 20/05/2017





CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

❖ **Kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2018 cụ thể như sau:**

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2018
1	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	852
2	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	90
3	Cổ tức	%	20

Các biện pháp hoàn thành kế hoạch:

- **Công tác quản trị**
 - Tiếp tục nâng cao công tác quản trị Công ty theo chuẩn quốc tế, ứng dụng các công cụ quản trị hiện đại;
 - Nâng cao vai trò quản trị và kiểm soát rủi ro trong quản trị tài chính, kế toán kiểm toán, quản lý rủi ro doanh nghiệp;
 - Tiếp tục nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của doanh nghiệp, nâng cao vai trò của thành viên HĐQT;
 - Tăng cường việc đào tạo quản trị công ty cho các thành viên trong HĐQT, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát.

- **Về đầu tư:** Đầu tư phát triển và hoàn thiện hệ thống các nhà máy sản xuất, tiếp tục đầu tư các thiết bị chuyên ngành hiện đại, mang tính đổi mới công nghệ. Thông qua việc đầu tư để tiếp cận được những phương tiện, thiết bị hiện đại theo hướng phát triển của khoa học kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, đồng thời cũng đào tạo được đội ngũ cán bộ lành nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.
- **Về tài chính:** Quản lý chặt chẽ chi phí, đảm bảo sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; nâng cao năng lực tài chính, đảm bảo phát triển liên tục, ổn định, vững chắc.
- **Về nguồn nhân lực:** Thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với người lao động; không ngừng thu hút nhân tài và có chính sách sử dụng nhân tài hiệu quả; tiếp tục đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác cho cán bộ quản lý, chuyên viên nghiệp vụ công tác nhân sự.

- **Về sản phẩm:** ngày càng đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ. Ưu tiên cho việc phát triển các thị trường truyền thống đã khẳng định được thị phần và sản phẩm có tính công nghệ, kỹ thuật cao.
- **Về thị trường:** Đẩy mạnh các hoạt động về tiếp thị, đấu thầu nhằm quảng bá thương hiệu và các sản phẩm của Công ty trên thị trường. Thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng để duy trì và phát triển thương hiệu, thị phần. Phát huy mọi nguồn lực, đẩy mạnh hoạt động đối ngoại, liên doanh, liên kết với các đối tác nước ngoài để tiếp cận thị trường quốc tế.
- **Về khoa học công nghệ:** Đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ trong nhằm tạo ra nhiều lợi nhuận. Thường xuyên cập nhập, nghiên cứu, áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ trên thế giới.



- ❖ Hội đồng quản trị
- ❖ Ban Kiểm soát
- ❖ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

❖ Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ nắm giữ cổ phần tại Dohaco
1	Ông Lê Bá Phương	Chủ tịch HĐQT	5,72%
2	Ông Lương Văn Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	5,58%
3	Ông Lê Quang Hiệp	Thành viên HĐQT	8,3%
4	Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT	2,35%
5	Ông Tatsuyuki Ota	Thành viên HĐQT	0%
6	Ông Nguyễn Phan Dũng	Thành viên HĐQT	0,07%

❖ Lý lịch của Hội đồng quản trị

Ông Lê Bá Phương: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông Lương Văn Thành: Phó CT HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

(Đã trình bày ở phần lý lịch Ban điều hành)

Ông Lê Quang Hiệp – Thành viên HĐQT		
Năm sinh	:	1955
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân
Quá trình công tác		
1983-1985	:	Phó Phòng Kỹ Thuật Liên hiệp XN Nhựa TP.HCM
1985 - 1994	:	Giám Đốc Xí nghiệp Quốc doanh nhựa TP.HCM
1994-2004	:	Giám Đốc Công ty Nhựa Đô Thành TP.HCM
2004-nay	:	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ Công ty CP Kỹ nghệ Đô Thành
2014-nay	:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	:	2.685.615



Ông Nguyễn Thanh Nghĩa – Thành viên HĐQT		
Năm sinh	:	1963
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân
Quá trình công tác		
1993-2001	:	Phó phòng, Trưởng phòng Công ty XNK Thủy Sản HCM
2001-20017	:	Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc công ty TNHH Đại Thiên Lộc
2012-2013	:	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần XNK Thủy Sản Bến Tre
2007 – nay	:	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc
2012 – 05/2017	:	Phó chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
05/2017 - nay	:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	:	805.198

Ông Tatsuyuki Ota – Thành viên HĐQT		
Năm sinh	:	1963
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân
Quá trình công tác		
2016 - nay	:	Thành viên HĐQT công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	:	0

Ông Nguyễn Phan Dũng – Thành viên HĐQT		
Năm sinh	:	1980
Trình độ chuyên môn	:	Thạc sĩ
Quá trình công tác		
2007-2011	:	Chuyên viên đầu tư – Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI
2011-2013	:	Giám đốc đầu tư - Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI
2013 - nay	:	Phó Tổng Giám Đốc - Công ty TNHH Quản lý Quỹ SSI
04/2014 - nay	:	Thành viên HĐQT Công ty CP Transimex
04/2016 - nay	:	Thành viên HĐQT Công ty CP Dược Phẩm OPC
05/2017 - nay	:	Thành viên HĐQT công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	:	25.000





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

❖ Các buổi họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Ghi chú
01	Ông Lê Bá Phương	Chủ tịch HĐQT	10	10/10	
02	Ông Lương Văn Thành	Phó Chủ tịch HĐQT	10	10/10	
03	Ông Lê Quang Hiệp	Thành viên HĐQT	10	10/10	
04	Ông Nguyễn Thanh Nghĩa	Thành viên HĐQT	10	10/10	
05	Bà Hồ Thị Song Ngọc	Thành viên HĐQT	4	4/4	Miễn nhiệm từ ngày 20/05/2017
06	Ông Tatsuyuki Ota	Thành viên HĐQT	9	9/10	Vắng 1 buổi họp
07	Ông Nguyễn Phan Dũng	Thành viên HĐQT	6	6/6	Bổ nhiệm từ ngày 20/05/2017



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	16/01/2017	- Thống nhất thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 và mục tiêu kế hoạch Quý 1 năm 2017.
2	02/NQ-HĐQT	16/01/2017	- Thống nhất phê duyệt tờ trình số 70/TT-HĐQT ngày 31/12/2016 về việc đề nghị đơn giá tiền lương sản phẩm từ ngày 01/01/2017.
3	03/NQ-HĐQT	16/01/2017	- Thống nhất phê duyệt danh sách chia thưởng Ban điều hành Công ty. - Thống nhất phê duyệt danh sách chia thưởng HĐQT & BKS.
4	04/NQ-HĐQT	16/01/2017	- Thống nhất chủ trương lập trạm thu mua giấy phế liệu.
5	05/NQ-HĐQT	16/01/2017	- Thống nhất phương án chuyển 6 motor công suất lớn hơn 450KW của hệ thống bột từ sử dụng điện áp 380V sang sử dụng 6 motor trung thế điện áp 3.3KV.
6	06/NQ-HĐQT	16/01/2017	- Thống nhất khối lượng phát sinh thi công cọc đại trà nhà xưởng chính.
7	07/NQ-HĐQT	16/01/2017	- Thống nhất chọn Công ty TNHH ĐTXD & CNMT Dương Nhật là Nhà thầu thiết kế, thi công Trạm xử lý nước thải cho Dự án Nhà máy giấy Giao Long giai đoạn 2.
8	08/NQ-HĐQT	19/01/2017	Thống nhất khối lượng phát sinh thi công cọc đại trà nhà xưởng chính. (NQ 08/NQ-HĐQT thay thế cho NQ 06/NQ-HĐQT ngày 16/01/2017)
9	09/NQ-HĐQT	03/03/2017	- Thống nhất chọn Công ty TNHH ABB là Nhà thầu cung cấp hệ thống DCS, tủ đóng ngắt trung thế 22KV cho Dự án NM giấy Giao Long giai đoạn 2.
10	10/NQ-HĐQT	03/03/2017	- Thống nhất chọn Công ty TNHH ABB là Nhà thầu cung cấp máy biến áp cho Dự án NM giấy Giao Long giai đoạn 2.
11	11/NQ-HĐQT	03/03/2017	- Thống nhất chọn Công ty Andritz Technologies 11.K. Limited là Nhà thầu cung cấp bơm và motor bơm nước sạch cho Dự án NM giấy Giao Long giai đoạn 2.
12	12/NQ-HĐQT	03/03/2017	-Thống nhất chọn Công ty Huadong Paper Machinery Co. Ltd là Nhà thầu cung cấp các thiết bị phụ trợ cho Dự án NM giấy Giao Long giai đoạn 2.
13	13/NQ-HĐQT	03/03/2017	- Thống nhất chọn Công ty TNHH Thuận Hải là Nhà thầu cung cấp hơi và điện cho Dự án NM giấy Giao Long giai đoạn 2.
14	14/NQ-HĐQT	03/03/2017	- Thống nhất chọn Công ty ABB Industry Pte Ltd (Singapore) là Nhà thầu cung cấp hệ thống MCC, Truyền động, Motor, QCS, ... cho Dự án NM giấy Giao Long giai đoạn 2.





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
15	15/NQ-HĐQT	06/03/2017	- Thống nhất nội dung cuộc họp giữa Công ty CP Đông Hải Bến Tre và Công ty CP Xây dựng Công Nghiệp (Descon) ngày 06/03/2017.
16	16/NQ-HĐQT	24/03/2017	- Thống nhất phương án vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động theo kế hoạch kinh doanh năm 2017 tại NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre.
17	17/NQ-HĐQT	15/04/2017	- Thống nhất thông qua báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh Quý 1/2017 và mục tiêu kế hoạch Quý 2/2017.
18	18/NQ-HĐQT	17/04/2017	- Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2017.
19	19/NQ-HĐQT	17/04/2017	- Thống nhất điều chỉnh nội dung hợp đồng 09_XDCB_DCC2016 Công ty CP Xây dựng Công Nghiệp (Descon).
20	20/NQ-HĐQT	05/05/2017	- Thống nhất điều chỉnh nội dung hợp đồng 09_XDCB_DCC2016 Công ty CP Xây dựng Công Nghiệp (Descon).
21	21/NQ-HĐQT	10/05/2017	- Thống nhất thời gian, địa điểm tổ chức và nội dung Đại hội cổ đông thường niên năm 2017.
4	22/NQ-HĐQT	10/05/2017	- Thống nhất vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động theo kế hoạch kinh doanh năm 2017 tại NHTMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn.
23	23/NQ-HĐQT	10/05/2017	- Thống nhất chọn Công ty TNHH Thép Bình Nguyên là Nhà thầu cung cấp thép cho Dự án NM giấy Giao Long giai đoạn 2.
24	24/NQ-HĐQT	12/05/2017	- Thống nhất việc phát sinh giá gói thầu cung cấp máy biến áp của Công ty TNHH ABB cho Dự án NM giấy Giao Long giai đoạn 2.
25	25/NQ-HĐQT	12/05/2017	- Thống nhất chọn Công ty TNHH Yokogawa Việt Nam là Nhà thầu cung cấp thiết bị đo cho Dự án NM giấy Giao Long giai đoạn 2.
26	26/NQ-HĐQT	12/05/2017	- Thống nhất chọn Công ty TNHH TM - XD - SX Minh Phát là Nhà thầu xây dựng bể chứa nước 2500 m ³ cho Dự án NM giấy Giao Long giai đoạn 2.
27	27/NQ-HĐQT	12/05/2017	- Thống nhất điều chỉnh nội dung hợp đồng 09_XDCB_DCC2016 Công ty CP Xây dựng Công Nghiệp (Descon).
28	28/NQ-HĐQT	12/05/2017	- Thống nhất thông qua nội dung trình ĐHCĐ thường niên năm 2017.



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
29	29/NQ-HĐQT	19/05/2017	- Thống nhất điều chỉnh Tờ trình phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP).
30	30/NQ-HĐQT	20/05/2017	- Thống nhất bầu ông Lê Bá Phương giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT và ông Lương Văn Thành giữ chức vụ Phó Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2017-2021.
31	31/NQ-HĐQT	20/05/2017	- Thống nhất tái bổ nhiệm Ông Lê Bá Phương giữ chức vụ Tổng giám đốc, ông Lương Văn Thành, bà Hồ Thị Song Ngọc giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc, bà Lê Thị Hoàng Huệ giữ chức vụ Kế toán trưởng nhiệm kỳ 2017 - 2021.
32	32/NQ-HĐQT	01/06/2017	- Thống nhất chọn Công ty China Zhejiang Tongpu Automation Control equipment Co., Ltd (Topoac) là Nhà thầu cung cấp thiết bị van bột cho Dự án NM giấy Giao Long giai đoạn 2.
33	33/NQ-HĐQT	01/06/2017	- Thống nhất chọn Công ty TNHH Lingo là Nhà thầu cung cấp thiết bị van hơi cho Dự án NM giấy Giao Long giai đoạn 2.
34	34/NQ-HĐQT	01/06/2017	- Thống nhất điều chỉnh khối lượng và đơn giá thép do Công ty TNHH Thép Bình Nguyên cung cấp cho dự án Nhà máy giấy Giao Long-giai đoạn 2.
35	35/NQ-HĐQT	21/06/2017	- Thống nhất việc phát sinh gói thầu cung cấp thiết bị van hơi của Công ty TNHH Lingo cho Dự án NM giấy Giao Long giai đoạn 2.
36	36/NQ-HĐQT	21/06/2017	- Thống nhất điều chỉnh giá thầu cung cấp thiết bị van bột của Công ty China Zhejiang Tongpu Automation Control Equipment Co., Ltd (Topoac) cho dự án NM giấy Giao Long - giai đoạn 2.
37	37/NQ-HĐQT	21/06/2017	- Thống nhất việc phát sinh gói thầu cung cấp thiết bị đo của Công ty TNHH Yokogawa Việt Nam cho Dự án NM giấy Giao Long giai đoạn 2.
38	38/NQ-HĐQT	21/06/2017	- Thống nhất chọn Công ty TNHH Cơ Khí XD Thiên Phát Lộc là nhà thầu thi công khung kèo thép nhà xưởng chính cho dự án NM giấy Giao Long - giai đoạn 2.
39	39/NQ-HĐQT	21/06/2017	- Thống nhất phê duyệt chủ trương ký kết hợp đồng cung cấp điện cho dự án NM giấy Giao Long - giai đoạn 2.
40	40/NQ-HĐQT	21/06/2017	- Thống nhất chọn Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn (SSI) là đơn vị tư vấn phát hành cổ phiếu để trả 10% cổ tức năm 2016 bằng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động năm 2017.





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
41	41/NQ-HĐQT	21/06/2017	- Thống nhất điều chỉnh nội dung hợp đồng 09_XDCB_DCC2016 Công ty CP Xây dựng Công Nghiệp (Descon).
42	42/NQ-HĐQT	21/06/2017	- Thống nhất chủ trương ký hợp đồng giữa Công ty CP Đông Hải Bến Tre với Công ty CP Tân Cảng Giao Long.
43	43/NQ-HĐQT	21/06/2017	- v/v triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2016.
44	44/NQ-HĐQT	21/06/2017	- V/V thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
45	45/NQ-HĐQT	21/06/2017	- v/v triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động.
46	46/NQ-HĐQT	21/06/2017	- Thống nhất điều chỉnh việc vay vốn tại Vietcombank - CN Tiền Giang từ 476 tỷ đồng lên 714 tỷ đồng.
47	47/NQ-HĐQT	21/06/2017	- Thống nhất thông qua quy chế hoạt động và bảng phân công nhiệm vụ của BQL Dự án NM giấy Giao Long giai đoạn 2.
48	48/NQ-HĐQT	28/06/2017	- Thống nhất chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017 của Công cổ phần Đông Hải Bến Tre.
49	49/NQ-HĐQT	29/06/2017	- Thống nhất phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng công trình “ Nhà máy Giấy Giao Long - giai đoạn 2”.
50	50/NQ-HĐQT	05/07/2017	- Thống nhất điều chỉnh nội dung hợp đồng 09_XDCB DHC DCC2016 Công ty CP Xây dựng Công Nghiệp (Descon)
51	51/NQ-HĐQT	15/07/2017	- Thống nhất thông qua báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh Quý 2/2017 và mục tiêu kế hoạch Quý 3/2017.
52	52/NQ-HĐQT	15/07/2017	- Thống nhất chọn Công ty TNHH MTV KT Công nghệ Yong Yia Yu là nhà thầu lắp đặt thiết bị cho dự án NM giấy Giao Long - giai đoạn 2.
53	53/NQ-HĐQT	15/07/2017	- Thống nhất phê duyệt đề xuất mua máy in của Nhà máy Bao Bì.
54	54/NQ-HĐQT	15/07/2017	- Thông qua tỷ lệ chào bán thành công trong đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
58	58/NQ-HĐQT	31/08/2017	- Thống nhất chọn Công ty Andritz Technologies H.K. Limited là Nhà thầu cung cấp đường ống và phụ kiện cho Dự án NM giấy Giao Long giai đoạn 2.



STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
59	59/NQ-HĐQT	11/09/2017	- Thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách người sở hữu chứng khoán để trả cổ tức bằng cổ phiếu và thực hiện quyền mua cổ phiếu.
60	60/NQ-HĐQT	17/10/2017	- Phân phối số cổ phiếu không phân phối hết từ phát hành ESOP năm 2017.
61	61/NQ-HĐQT	18/10/2017	- Thống nhất điều chỉnh phạm vi cung cấp vật tư của hợp đồng 09_XDCB_DHC_DCC2016 Công ty CP Xây dựng Công Nghiệp (Descon)
62	61/NQ-HĐQT	02/11/2017	- Thống nhất chọn Công ty TNHH Kobelco Compressors là Nhà thầu cung cấp máy nén khí cho Dự án NM giấy Giao Long giai đoạn 2.
63	62/NQ-HĐQT	02/11/2017	- Thống nhất chọn Công ty CP Đầu Tư Phan Vũ là Nhà thầu cung cấp cọc và thi công ép cọc đại trà hạng mục Kho thành phẩm cho Dự án NM giấy Giao Long giai đoạn 2.
64	63/NQ-HĐQT	02/11/2017	- Thống nhất chọn Công ty TNHH ĐTXD Phú An Khang là Nhà thầu thi công phần nền bê tông kho thành phẩm cho Dự án NM giấy Giao Long giai đoạn 2.
65	64/NQ-HĐQT	02/11/2017	- Thống nhất thông qua báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh Quý 3/2017 và mục tiêu kế hoạch Quý 4/2017.
66	65/NQ-HĐQT	10/11/2017	- Phân phối số cổ phiếu không phân phối hết từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
67	66/NQ-HĐQT	23/11/2017	- Thống nhất thông qua chủ trương ký hợp đồng mua tôn, thép,...với Công ty CP Đại Thiên Lộc.
68	67/NQ-HĐQT	23/11/2017	- Thống nhất chọn Công ty CP Phụ kiện và Nhà Thép Nhất (BMB) là Nhà thầu thi công khung kèo thép kho thành phẩm cho Dự án NM giấy Giao Long giai đoạn 2.
69	68/NQ-HĐQT	15/12/2017	- Thống nhất sửa đổi điều lệ: tăng vốn điều lệ từ 293.428.490.000 đồng lên 344.597.690.000 đồng.
70	69/NQ-HĐQT	28/12/2017	- Thống nhất vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động theo kế hoạch kinh doanh năm 2017-2018 tại NHTMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre.
71	70/NQ-HĐQT	28/12/2017	- Thống nhất vay vốn ngắn hạn bổ sung vốn lưu động theo kế hoạch kinh doanh năm 2017-2018 tại NHTMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang.
72	71/NQ-HĐQT	28/12/2017	- Thống nhất điều chỉnh việc vay vốn trung dài hạn cho Dự án NM giấy Giao Long giai đoạn 2 tại Vietcombank - CN Tiền Giang từ 714 tỷ đồng xuống còn 656 tỷ đồng.
73	72/NQ-HĐQT	28/12/2017	- Thống nhất thông qua chủ trương ký hợp đồng với Cty CP Tân Cảng Giao Long về việc thuê bãi chứa nguyên liệu.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
74	73/NQ-HĐQT	28/12/2017	- Thống nhất thông qua chủ trương ký hợp đồng với Cty CP Tân Cảng Giao Long về việc thuê dịch vụ vận chuyển, giao nhận Container,...
75	74/NQ-HĐQT	28/12/2017	- Thống nhất thông qua chủ trương ký hợp đồng mua tôn, thép,...với Cty CP Đại Thiên Lộc
76	75/NQ-HĐQT	28/12/2017	- Thống nhất chọn Công ty TNHH DV TM Đại Hùng Cường là Nhà thầu lắp đặt hệ thống PCCC và chống sét cho Dự án NM giấy Giao Long giai đoạn 2.
77	76/NQ-HĐQT	28/12/2017	- Thống nhất chọn Công ty CP Điện máy R.E.E là Nhà cung cấp hệ thống điều hòa trung tâm cho Dự án NM giấy Giao Long giai đoạn 2.
78	77/NQ-HĐQT	28/12/2017	- Thống nhất chọn Công ty TNHH TM & Công nghệ Vĩnh Khánh là Nhà cung cấp Busway cho Dự án NM giấy Giao Long giai đoạn 2.
79	78/NQ-HĐQT	28/12/2017	- Thống nhất chủ trương chuyển giao hợp đồng cung cấp điện và hơi cho Dự án NM giấy Giao Long giai đoạn 2 từ Công ty CP Thuận Hải sang Công ty CP DV Năng Lượng Thành Công.
80	79/NQ-HĐQT	28/12/2017	- Thống nhất chọn Công ty TNHH Thiết bị điện Quý Dân là Nhà cung cấp cáp điện cho Dự án NM giấy Giao Long giai đoạn 2.

❖ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Công ty không có tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị.





BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng Ban	8.000	0.02%
2	Bà Đoàn Hồng Lan	Thành viên	6.000	0.02%
3	Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên	92.703.	0.27%

Lý lịch của các thành viên Ban kiểm soát

Bà Đoàn Thị Bích Thúy – Trưởng BKS		
Năm sinh	:	1985
Nơi sinh	:	Đồng Nai
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	:	8.000
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	:	0





BAN KIỂM SOÁT

Bà Đoàn Hồng Lan – Thành viên BKS

Năm sinh	:	1986
Nơi sinh	:	Bến Tre
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	:	6.000
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	:	0

Ông Nguyễn Quốc Bình – Thành viên BKS

Năm sinh	:	1977
Nơi sinh	:	Hà Nội
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân
Số cổ phiếu cá nhân sở hữu	:	92.703
Số cổ phiếu đại diện sở hữu	:	0

Hoạt động của Ban kiểm soát

- Đánh giá và góp ý việc áp dụng các chế độ lương khoán, chính sách khen thưởng cho người lao động. Đánh giá quy trình quản lý nội bộ, quy trình làm việc.
- Tham gia cùng ban quản lý dự án trong việc kiểm tra tiến độ triển khai thực hiện dự án, kiểm tra năng lực của các nhà thầu xây dựng cơ bản và các nhà cung cấp thiết bị.
- Kiểm tra ghi chép kế toán về theo dõi chi phí hoạt động và chi phí mua sắm của dự án. Kiểm tra các hợp đồng thu mua nguyên liệu giấy, hợp đồng mua vật tư và thiết bị dự phòng.



❖ Các buổi họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/hồng còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nguyễn Hữu Hiệu	Trưởng BKS	26/04/2012	01	01/01	Miễn nhiệm từ ngày 20/05/2017
2	Bà Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng BKS	20/05/2017	04	04/04	Bổ nhiệm từ ngày 20/05/2017
3	Bà Đoàn Hồng Lan	Thành viên	26/04/2012	05	05/05	
4	Ông Nguyễn Quốc Bình	Thành viên	25/06/2016	05	05/05	

**Hoạt động của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm soát theo Điều lệ của Công ty, kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ, tài liệu, chứng từ, tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban điều hành Công ty và đưa ý kiến của Ban Kiểm soát về các chủ trương, kế hoạch, thực hiện sản xuất kinh doanh, tài chính, công bố các thông tin theo quy định, cụ thể:

- Xem xét các nghị quyết của HĐQT ban hành liên quan đến việc thực hiện, hoàn thành các mục tiêu chiến lược và kế hoạch kinh doanh đã được Đại hội cổ đông 2017 thông qua.
- Đọc các báo cáo định kỳ theo quý của các bộ phận sản xuất, kinh doanh, kế toán. Theo dõi năm bắt tình hình hoạt động SXKD thực tế về sản lượng sản phẩm sản xuất, doanh thu bán hàng, chi phí kinh doanh, lợi nhuận đạt được.





Thưởng HDQT, BKS do hoàn thành đạt và vượt kế hoạch năm 2017 (chi trong năm 2018) là 540.000.000 đồng.



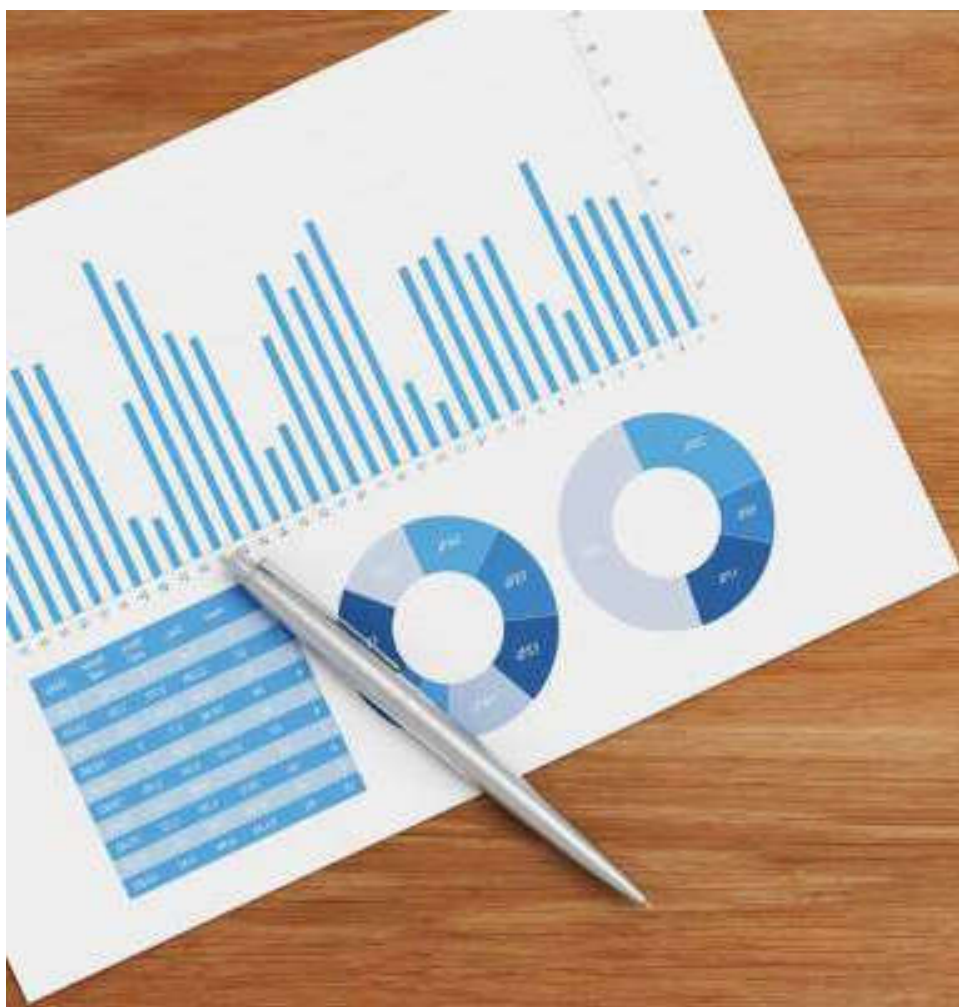
STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng.)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
08	Nguyễn Thanh Nghĩa	TV. HĐQT	600.153	2,35%	805.198	2,34%	Mua
09	Hồ Thị Song Ngọc	Phó TGD	89.975	0,35%	68.006	0,20%	Bán
10	Lê Thị Hoàng Huệ	KTT	18.150	0,07%	48.595	0,14%	Mua
11	Nguyễn Phan Dũng	TV.HĐQT	0	0%	25.000	0,07%	Mua
12	Nguyễn Quốc Bình	TV. BKS	66.695	0,26%	92.703	0,27%	Mua
13	Nguyễn Quốc Tuấn	Người có liên quan của ông Nguyễn Quốc Bình	42.900	0,17%	55.770	0,16%	Mua
14	Đoàn Thị Bích Thúy	Trưởng BKS	0	0%	8.000	0,02%	Mua
15	Đoàn Hồng Lan	TV. BKS	0	0%	6.000	0,02%	Mua
16	Lê Minh Thanh	Người có liên quan của bà Đoàn Hồng Lan	22.000	0,095%	30.000	0,09%	Mua

❖ **Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:** Không có

❖ **Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty**

Công ty cổ phần Đông Hải Bến Tre luôn tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật và quy định nội bộ về quản trị công ty





VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



Số: 602. /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 24 tháng 3 năm 2018, từ trang 3 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Minh Thao
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1902-2018-001-1
**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH
DELOITTE VIỆT NAM**
Ngày 24 tháng 3 năm 2018
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Kim Long Hải
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1503-2018-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

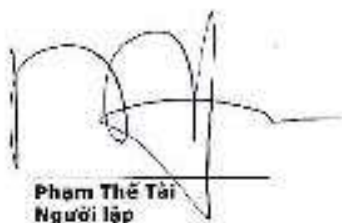
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		563.706.735.131	426.642.559.021
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	111.181.973.890	34.695.484.012
1. Tiền	111		55.138.177.603	19.695.484.012
2. Các khoản tương đương tiền	112		56.043.796.277	15.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.562.946.838	65.270.428.038
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	7.562.946.838	65.270.428.038
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		164.282.098.350	260.161.627.741
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	111.001.583.233	129.944.734.932
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	59.796.403.878	132.538.049.277
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		816.018.274	3.662.572.348
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(7.331.907.035)	(5.983.729.300)
IV. Hàng tồn kho	140		224.603.995.866	55.931.419.134
1. Hàng tồn kho	141	9	224.603.995.866	55.931.419.134
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		56.075.720.197	10.583.600.096
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	3.627.151.301	9.344.134.412
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	16	52.448.568.896	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	-	1.239.465.584
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		726.238.614.498	202.989.598.746
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.311.907.200	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	11	4.311.907.200	-
II. Tài sản cố định	220		184.128.277.945	189.048.288.909
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	164.061.361.540	188.920.126.234
- Nguyên giá	222		368.018.187.368	339.972.471.933
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(183.956.825.828)	(151.052.345.699)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	66.916.405	128.162.575
- Nguyên giá	228		388.834.250	388.834.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(321.917.845)	(260.671.575)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		529.639.585.105	5.177.154.456
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	529.639.585.105	5.177.154.456
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.600.000.000	2.600.000.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	2.600.000.000	2.600.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		5.558.844.248	6.164.155.381
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	5.558.844.248	6.164.155.381
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.289.945.349.629	629.632.157.767

202
 IÁNH
 TY
 HỮU
 ITTI
 NAM
 HOC

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		578.821.651.015	108.462.100.605
I. Nợ ngắn hạn	310		330.055.496.639	108.462.100.605
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	214.410.419.134	43.614.482.406
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		556.939.766	1.085.996.839
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	697.950.944	3.023.091.224
4. Phải trả người lao động	314		5.789.040.375	7.576.625.274
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.663.281.264	1.104.139.614
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		935.678.704	787.568.808
7. Vay ngắn hạn	320	18	104.250.855.192	52.105.532.464
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(267.668.740)	(835.326.024)
II. Nợ dài hạn	330		248.766.154.376	-
1. Vay dài hạn	338	19	248.766.154.376	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		711.123.698.614	521.170.057.162
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	711.123.698.614	521.170.057.162
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		344.597.690.000	255.846.030.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		344.597.690.000	255.846.030.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		192.413.291.303	142.193.681.303
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		19.443.248.805	15.156.950.594
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		154.669.468.506	107.973.395.265
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		74.415.117.770	22.247.431.043
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		80.254.350.736	85.725.964.222
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.289.945.349.629	629.632.157.767


 Phạm Thế Tài
 Người lập


 Lê Thị Hoàng Huệ
 Kế toán trưởng



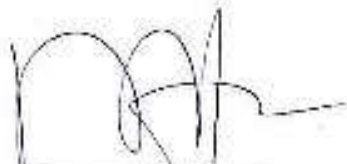

 Lê Bá Phương
 Tổng Giám đốc
 Ngày 24 tháng 3 năm 2018



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng	01	23	810.792.751.561	668.121.590.422
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	768.005.950	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	10		810.024.745.611	668.121.590.422
4. Giá vốn hàng bán	11	24	678.157.598.327	544.637.610.192
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)	20		131.867.147.284	123.483.979.930
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	3.303.885.662	5.173.235.212
7. Chi phí tài chính	22	27	4.720.649.095	3.504.997.576
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.587.707.587	3.251.177.022
8. Chi phí bán hàng	25	28	23.162.708.316	18.102.307.275
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	14.361.971.108	10.838.267.483
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		92.925.704.427	96.211.642.808
11. Thu nhập khác	31		855.008.426	1.491.017.805
12. Chi phí khác	32		495.227.605	753.540.207
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		359.780.821	737.477.598
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		93.285.485.248	96.949.120.406
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	13.031.134.512	11.223.156.184
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		80.254.350.736	85.725.964.222
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	2.706	3.136


Phạm Thế Tài
Người lập


Lê Thị Hoàng Huệ
Kế toán trưởng


Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

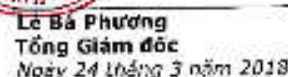
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	93.285.485.248	96.949.120.406
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	37.834.540.357	36.734.485.995
Các khoản dự phòng	03	1.348.177.669	116.798.304
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	33.939.076	101.540.692
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(2.575.530.057)	(4.264.418.921)
Chi phí lãi vay	06	4.587.707.583	3.251.172.022
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	134.514.319.876	132.868.798.498
Thay đổi các khoản phải thu	09	(38.935.083.420)	(153.881.905.157)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(132.190.299.297)	1.821.797.215
Thay đổi các khoản phải trả	11	57.750.061.918	15.476.734.188
Thay đổi chi phí trả trước	12	6.322.294.244	(202.059.295)
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.494.974.452)	(3.360.693.188)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.830.300.495)	(11.223.156.184)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.146.862.000)	(3.942.136.512)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	9.989.156.374	(22.422.620.435)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang	21	(412.617.916.815)	(22.584.243.375)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	1.373.173.527	851.831.590
3. Tiền chi đầu tư ngắn hạn	23	(2.000.000.000)	(60.270.428.038)
4. Tiền thu hồi đầu tư ngắn hạn	24	60.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi tiền gửi	27	5.465.359.625	2.113.207.122
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(347.779.385.663)	(79.889.632.701)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	113.388.810.000	159.032.500.000
2. Tiền vay ngắn hạn	33	873.623.937.528	497.999.319.122
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(572.712.460.424)	(498.371.785.901)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(23.624.000)	(23.401.601.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	414.276.663.104	135.258.432.221
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	76.486.433.815	32.946.179.085
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	60	34.695.484.012	1.749.061.597
	61	56.053	243.330
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	111.181.973.880	34.695.484.012


Phạm Thế Tài
Người lập


Lê Thị Hoàng Huệ
Kế toán trưởng




Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2018



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đông Hải Bến Tre (gọi tắt là "Công ty") là doanh nghiệp được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5503000006 ngày 02 tháng 4 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp, và giấy phép điều chỉnh.

Công ty niêm yết và giao dịch cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã cổ phiếu là DHC theo Quyết định số 58/QĐ-SGDHCM ngày 18 tháng 6 năm 2009 ban hành bởi HOSE.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 390 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 423).

Ngành nghề kinh doanh, hoạt động chính và cấu trúc Công ty

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất giấy.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh bột giấy, giấy, bìa, bao bì từ giấy và nhựa;
- In và các dịch vụ liên quan đến in;
- Vận chuyển hàng hoá bằng đường bộ và đường thuỷ nội địa;
- Chế biến, nuôi trồng, buôn bán và xuất nhập khẩu các sản phẩm nông sản và thuỷ sản;
- Buôn bán và xuất nhập khẩu sắt, thép;
- Buôn bán, xuất nhập khẩu máy móc, thiết bị và phụ tùng máy công nghiệp.

Cấu trúc Công ty: các nhà máy của Công ty gồm có:

- Nhà máy giấy Giao Long – Giai đoạn I;
- Nhà máy Bao bì;
- Nhà máy giấy Giao Long – Giai đoạn II đang trong quá trình xây dựng (Thuyết minh số 14).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.



Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 20
Thiết bị vận phòng	4 - 8
Phương tiện vận tải	5 - 10
Tài sản khác	8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo nguyên giá. Tại các ngày kết thúc niên độ sau, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo nguyên giá trừ khoản giảm giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty liên kết được lập nếu công ty liên kết hoạt động bị lỗ kể từ sau ngày mua.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước chi phí sửa chữa và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Chi phí sửa chữa bao gồm các chi phí phát sinh trong quá trình sửa chữa lớn các nhà máy của Công ty và được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Chi phí sửa chữa được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.



Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập tính thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.



Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	57.452.200	408.406.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	55.080.725.403	19.287.078.012
Các khoản tương đương tiền	56.043.796.277	15.000.000.000
	111.181.973.880	34.695.484.012

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tiền Giang ("Vietcombank Tiền Giang") và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre, ("BIDV Bến Tre") có thời gian đáo hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất từ 4,2% đến 4,3% một năm.

Trong đó, khoản tiền gửi có kỳ hạn tại BIDV Bến Tre có giá trị 6.043.796.277 đồng đang được cầm cố để đảm bảo cho bảo lãnh thanh toán của Công ty.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn bằng Đồng Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn ("Vietinbank Bắc Sài Gòn") và Vietcombank Tiền Giang, có thời gian đáo hạn trong vòng sáu tháng đến một năm và hưởng lãi suất từ 5,3% đến 6,5% một năm.

Như trình bày ở Thuyết minh số 18, tiền gửi có kỳ hạn tại Vietinbank Bắc Sài Gòn có giá trị 5.562.946.838 đồng được sử dụng để thế chấp cho khoản tiền vay tại ngân hàng này.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh	110.320.148.333	129.944.734.982
- Công ty TNHH Box-Pak (Việt Nam)	17.690.257.200	18.282.478.225
- Công ty TNHH Ngành giấy Cát Phú	12.224.999.050	18.107.957.340
- Các khách hàng khác	80.404.892.083	93.554.299.417
Phải thu bán máy móc (Thuyết minh số 11)	681.434.900	-
	111.001.583.233	129.944.734.982

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, một phần khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 được sử dụng để thế chấp cho các khoản tiền vay tại ngân hàng.

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Ứng trước cho xây dựng cơ bản (Thuyết minh số 34)	49.018.546.292	123.696.531.700
- Công ty TNHH Thiết bị Giấy Jiangsu Huadong	29.146.920.803	48.165.810.000
- Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Công nghệ Môi trường Dương Nhật	5.500.000.000	-
- Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Thiên Phát Lộc	8.469.604.809	-
- Công ty TNHH Andritz Technologies H.K.	-	30.612.650.000
- Công ty Bellmer Gapcon GmbH	-	24.827.892.900
- Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp	-	12.500.000.000
- Khác	5.902.020.680	7.590.178.800
Ứng trước cho hoạt động sản xuất kinh doanh	10.777.857.586	8.841.517.577
- Công ty TNHH Mạc Tích	-	5.490.000.000
- Công ty TNHH Liên Ngọc Phát	-	1.305.150.000
- Công ty Cổ phần Thuận Hải	10.000.000.000	-
- Khác	777.857.586	2.046.367.577
	59.796.403.878	132.538.049.277

8. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng phải thu kho dài VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng phải thu kho dài VNĐ
Các khoản công nợ phải thu quá hạn:				
- Từ 1 đến 6 tháng đến quá 1 năm	482.384.140	(144.215.242)	336.288.898	(25.101.225)
- Từ 1 năm đến dưới 2 năm	1.914.445.380	(957.232.690)	957.232.690	(67.832.613)
- Từ 2 năm đến dưới 3 năm	25.077.500	(10.814.232)	8.063.250	(905.377.520)
- Từ 3 năm trở lên và khó đòi	6.211.744.853	(6.211.744.853)	-	(4.584.618.028)
	8.633.471.873	(7.331.907.035)	1.301.564.838	(5.983.729.366)
			6.498.579.803	614.849.637

9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ	Giá gốc VNĐ	Dự phòng VNĐ
Hàng mua đang đi đường (*)	77.890.173.558	-	3.479.872.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	134.663.721.954	-	44.000.450.253	-
Công cụ, dụng cụ	273.597.991	-	297.803.189	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	281.995.836	-	96.466.609	-
Thành phẩm	11.494.506.527	-	8.056.827.083	-
	224.603.995.866	-	55.931.419.134	-

(*) Trong đó, máy móc thiết bị và hàng hóa mua sắm cho hoạt động xây dựng Nhà máy Giao Long – Giai đoạn II là 36.482.277.435 đồng (Thuyết minh số 34).

Như trình bày tại Thuyết minh số 18, một phần hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và 31 tháng 12 năm 2016 được sử dụng để thế chấp cho các khoản tiền vay tại ngân hàng.

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
a) Ngắn hạn		
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.183.889.943	5.919.508.276
- Khác	2.443.261.358	3.424.626.136
	3.627.151.301	9.344.134.412
b) Dài hạn		
- Công cụ, dụng cụ và linh kiện loại nhỏ	5.194.204.252	5.665.799.199
- Chi phí sửa chữa nhà máy	364.639.996	498.356.182
	5.558.844.248	6.164.155.381

11. PHẢI THU DÀI HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Phải thu dài hạn của khách hàng thể hiện khoản phải thu Công ty TNHH MTV Tài chính Hợp Vàng và Công ty TNHH Thương mại Minh Thiện Phát trong thời hạn 5 năm cho việc bán máy móc thiết bị sử dụng trong sản xuất.

	Số cuối năm VNĐ	Số đầu năm VNĐ
Trong vòng một năm	681.434.900	-
Trong năm thứ hai	1.077.976.800	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.233.930.400	-
	4.993.342.100	-
Trừ: số phải thu trong vòng 12 tháng (Thuyết minh số 6)	(681.434.900)	-
Số phải thu sau 12 tháng	4.311.907.200	-



12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNHPhần mềm máy tính
VND**NGUYÊN GIÁ**

Số dư đầu năm và cuối năm

388.834.250

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ

Số dư đầu năm

260.671.575

Khấu hao trong năm

61.246.270

Số dư cuối năm

321.917.845

GIÁ TRỊ CÒN LẠI

Tại ngày đầu năm

128.162.675

Tại ngày cuối năm

66.916.405

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 82.602.450 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 82.602.450 đồng).



13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị vấn phòng VND	Phương tiện vấn tài VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	112.502.156.978	208.730.011.887	1.869.887.003	16.676.706.065	193.710.000	339.972.471.933
Tăng trong năm	7.053.437.687	18.509.542.000	230.818.182	828.636.364	-	26.622.434.233
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	309.603.828	2.741.039.673	-	5.188.218.182	-	8.238.861.683
Thanh lý trong năm	(1.638.277.286)	(3.384.317.908)	(111.636.364)	(1.581.348.923)	-	(6.715.590.481)
Giảm khác	-	-	-	(100.000.000)	-	(100.000.000)
Số dư cuối năm	118.226.921.207	226.596.275.652	1.989.068.821	21.012.211.688	193.710.000	368.018.187.368
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	40.342.595.231	104.022.913.250	934.067.644	5.607.354.480	145.415.088	151.052.345.699
Khấu hao trong năm	8.922.405.645	25.450.453.343	327.584.896	3.048.636.468	24.213.735	37.773.294.087
Thanh lý trong năm	(898.293.501)	(2.852.661.703)	(70.837.775)	(1.057.020.979)	-	(4.868.813.958)
Số dư cuối năm	48.376.707.375	126.620.704.896	1.190.814.765	7.598.969.969	169.628.823	183.956.825.828
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày đầu năm	72.159.561.747	104.707.098.631	935.819.359	11.069.351.585	48.294.912	188.920.126.234
Tại ngày cuối năm	69.850.213.832	99.975.570.756	798.254.056	13.413.241.719	24.081.177	184.061.361.540

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 và Thuyết minh số 19, Công ty đã thể chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 107.596.120.196 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 188.920.126.234 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 14.629.782.990 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 5.191.228.606 đồng).



14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Mua sắm	-	2.726.039.673
Công trình Nhà máy Giao Long – Giai đoạn II (*)	528.403.876.053	2.152.228.911
Sửa chữa	1.235.709.052	298.885.872
	529.639.585.105	5.177.154.456

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, tài sản hình thành trong tương lai từ dự án Công trình Nhà máy Giao Long – Giai đoạn II đang được thế chấp tại Vietcombank Tiền Giang cho khoản vay cung cấp bởi ngân hàng này.

(*) Công ty đang đầu tư xây dựng dự án Công trình Nhà máy Giao Long – Giai đoạn II ("Công trình") với công suất 660 tấn/ngày. Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 20 tháng 5 năm 2017 đã thông qua điều chỉnh tăng vốn đầu tư công trình lên 1.080.000.000.000 đồng. Công ty đã hoàn thành điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ngày 02 tháng 6 năm 2017 cho việc tăng vốn đầu tư Công trình này như phê duyệt.

Tại thời điểm cuối năm tài chính, Công trình gồm các hạng mục nhà xưởng chính (xưởng giấy, xưởng bột giấy, đường giao thông nội bộ), hệ thống xử lý nước thải, kho thành phẩm và hồ nước cơ bản đã hoàn thành xây dựng khoảng 60% tiến độ dự án; đồng thời các máy móc, thiết bị đã được nhập về tương đối đầy đủ chờ lắp đặt cho nhà máy. Công trình dự kiến sẽ hoàn thành đưa vào chạy thử vào tháng 6 năm 2018.

Trong năm, tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang với số tiền là 4.326.981.612 đồng.

Tại thời điểm cuối năm tài chính, Công ty đã ký kết các hợp đồng với nhà thầu, nhà cung cấp máy móc, thiết bị cho Công trình theo phê duyệt của Hội đồng Quản trị với giá trị hợp đồng sẽ tiếp tục thực hiện để xây dựng Công trình trong tương lai là 433.152.763.716 đồng.

15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Đầu tư vào công ty liên kết thể hiện khoản đầu tư của Công ty tại Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long ("Công ty liên kết") với số tiền là 2.600.000.000 đồng, nắm giữ 26% tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết. Công ty liên kết được thành lập và hoạt động tại số 126 Ấp Long Thạch, Xã Giao Long, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 13009990134 ngày 12 tháng 8 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre cấp. Công ty liên kết cung cấp dịch vụ khai thác cảng và vận chuyển.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản đầu tư vào Công ty liên kết không bị giảm giá trị đầu tư.

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tổng vốn đầu tư của Công ty liên kết	10.000.000.000	10.000.000.000
Giá trị vốn góp của Công ty tại Công ty liên kết	2.600.000.000	2.600.000.000
Tỷ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty liên kết	26%	26%
Vốn chủ sở hữu thực có của Công ty liên kết (*)	10.301.539.283	10.383.123.980
Vốn chủ sở hữu thực có của Công ty liên kết phân bổ cho Công ty	2.678.400.214	2.699.612.235

(*) Số đầu năm là số liệu đã kiểm toán của Công ty liên kết bởi một công ty kiểm toán khác đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần theo báo cáo kiểm toán ngày 28 tháng 3 năm 2017. Số cuối năm là số liệu chưa thực hiện kiểm toán tính đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này.



16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải thu/nộp trong năm VND	Số đã thu/nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	52.448.568.896	-	52.448.568.896
Thuế thu nhập doanh nghiệp	558.683.950	(558.683.950)	-	-
Thuế đất	680.781.734	(680.781.734)	-	-
	1.239.465.684	51.209.103.212	-	52.448.568.896
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	2.953.218.497	64.672.261.284	67.625.479.781	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	12.472.450.562	11.830.300.495	642.150.067
Thuế thu nhập cá nhân	60.862.727	1.252.262.088	1.266.323.938	55.800.877
Thuế đất	-	1.113.969.409	1.113.969.409	-
Thuế khác	-	951.787.397	951.787.397	-
	3.023.081.224	80.462.730.740	82.787.861.020	697.950.944

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả mua sắm tài sản cố định (Thuyết minh số 34)	3.880.883.750	1.520.580.270
Phải trả xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh số 34)	67.637.048.109	-
Phải trả hoạt động sản xuất kinh doanh Newport CH International LLC	142.912.254.316	42.093.902.136
Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn	49.292.570.284	-
Phải trả cho các đối tượng khác	-	7.176.886.200
	93.619.916.991	34.917.015.936
	214.430.419.134	43.614.482.406

18. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Số cuối năm VND
BIDV Bến Tre	4.021.031.958	257.796.294.474	236.478.600.985	25.338.725.547
Vietinbank Bắc Sài Gòn	2.114.001.252	50.181.952.265	32.279.238.353	20.016.715.164
Vietcombank Tiền Giang	32.095.564.825	316.879.536.413	290.879.686.757	58.895.414.481
VIB	13.874.934.429	-	13.874.934.429	-
	52.105.532.464	624.857.783.152	572.712.460.424	104.250.855.192

Vay ngắn hạn từ các ngân hàng sau:

Khoản tín dụng từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre ("BIDV Bến Tre") có tổng hạn mức tín dụng tối đa là 80 tỷ đồng bao gồm dư nợ vay ngắn hạn, số dư bảo lãnh, mở LC chưa đến hạn thanh toán cho mục đích bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 28 tháng 3 năm 2018, thời hạn cho vay/ bảo lãnh/ LC được xác định theo từng hợp đồng cụ thể. Khoản vay này đang chịu lãi suất từ 6% đến 6,9% một năm và lãi được trả hàng tháng. Công ty đã sử dụng phương tiện vận tải và máy móc thiết bị để thế chấp cho khoản vay này, với tổng giá trị định giá là 20.991.857.726 đồng (Thuyết minh số 13). Số dư còn lại của khoản vay được Ngân hàng chấp thuận dưới hình thức tín chấp.

Khoản tín dụng từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn ("Vietinbank Bắc Sài Gòn") có hạn mức tối đa là 50 tỷ đồng cho mục đích bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 01 tháng 8 năm 2018, thời hạn cho vay được xác định theo từng giấy nhận nợ cụ thể, nhưng tối đa 6 tháng một giấy nhận nợ. Khoản vay này đang chịu lãi suất 5,6% một năm và lãi được trả hàng tháng. Công ty đã sử dụng khoản tiền gửi có kỳ hạn (Thuyết minh số 5), hàng tồn kho (Thuyết minh số 9), các quyền, lợi ích phát sinh từ hợp đồng bảo hiểm nhà xưởng, máy móc thiết bị, hàng hóa và tất cả các quyền đòi nợ, quyền tài sản, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác mà Công ty có thể nhận được để mua bán, cho thuê, thay đổi, thay thế cho, thuộc về hoặc liên quan đến các tài sản này để thế chấp cho khoản vay.



Khoản tín dụng từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tiền Giang (“Vietcombank Tiền Giang”) có hạn mức tối đa là 150 tỷ đồng bao gồm dư nợ vay ngắn hạn và phát hành L/C cho mục đích bổ sung vốn lưu động hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn cấp hạn mức cho vay đến hết ngày 30 tháng 8 năm 2018 và thời hạn duy trì hạn mức phát hành L/C đến hết ngày 25 tháng 4 năm 2018, thời hạn cho vay được xác định theo từng hợp đồng cụ thể. Khoản vay này đang chịu lãi suất từ 5,5% đến 7% một năm và lãi được trả hàng tháng. Công ty đã sử dụng phương tiện vận tải và máy móc thiết bị để thế chấp cho khoản vay này, với tổng giá trị định giá là 15.554.000.000 đồng (Thuyết minh số 13). Số dư còn lại của khoản vay được Ngân hàng chấp thuận dưới hình thức tín chấp.

Khoản tín dụng từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế (“VIB”) có tổng hạn mức tối đa nhằm bổ sung vốn lưu động là 60 tỷ đồng. Khoản vay này chịu lãi suất LIBOR, lãi được trả hàng tháng và khoản vay này đã được tất toán trong năm 2017.

19. VAY DÀI HẠN

Vay dài hạn thể hiện số tiền vay đã giải ngân trong năm 2017 theo Hợp đồng tín dụng theo dự án đầu tư số 0301/VCB/16CD ngày 8 tháng 11 năm 2016 cấp bởi Vietcombank Tiền Giang. Mục đích khoản vay dùng để thực hiện xây dựng dự án Công trình Nhà máy Giao Long - Giai đoạn II do Công ty làm chủ đầu tư, tại Lô AIII, Khu công nghiệp Giao Long, xã An Phước, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Số tiền cam kết cho vay bởi Vietcombank Tiền Giang là 476 tỷ đồng với thời hạn cho vay tối đa là 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, giải ngân từng lần theo tiến độ công trình. Khoản vay được giải ngân lần đầu vào ngày 10 tháng 8 năm 2017, ân hạn trả nợ gốc trong vòng 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên và lịch trả nợ gốc sẽ được lập khi hết thời gian ân hạn.

Khoản vay được áp dụng lãi suất trung dài hạn theo thông báo lãi suất cho vay của Vietcombank Tiền Giang tại thời điểm nhận nợ và điều chỉnh tùy theo biến động thị trường trong suốt thời gian khoản vay trên cơ sở đồng thuận của hai bên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản vay đang chịu lãi suất 7,5% một năm. Trong thời gian ân hạn, lãi vay được trả 3 tháng một lần, sau đó lãi sẽ được trả hàng tháng.

Khoản vay được thế chấp bởi các tài sản đảm bảo sau:

- Tài sản hình thành trong tương lai của dự án Nhà máy Giao Long - Giai đoạn II (Thuyết minh số 14) với giá trị định giá gần nhất ngày 6 tháng 9 năm 2017 là 118 tỷ đồng. Giá trị máy móc thiết bị của dự án cũng sẽ được thế chấp cho Vietcombank Tiền Giang theo tiến độ giải ngân trong tương lai với giá trị ước tính là 560 tỷ đồng.
- Tài sản gắn liền với đất (nhà xưởng và vật kiến trúc) với giá trị định giá gần nhất ngày 10 tháng 01 năm 2017 là 44.789.768.032 đồng (Thuyết minh số 13).
- Các máy móc thiết bị chính của nhà máy sản xuất giấy Kraft - Giai đoạn I gồm máy xeo giấy, hệ thống sản xuất bột giấy và lò hơi đốt trấu, mùn cưa, bã mía. Các tài sản này được định giá gần nhất ngày 06 tháng 01 năm 2017 với giá trị là 57.606.459.212 đồng (Thuyết minh số 13).

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư đầu năm trước	172.588.880.000	43.161.181.303	11.168.041.192	75.994.833.146	302.912.935.641
Tăng vốn	83.257.150.000	99.032.500.000	-	-	182.289.650.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	85.725.964.222	85.725.964.222
Trích lập các quỹ	-	-	3.988.909.402	(5.185.582.223)	(1.196.672.821)
Trả thù lao	-	-	-	(2.045.781.880)	(2.045.781.880)
Cộng bổ tức	-	-	-	(46.516.038.000)	(46.516.038.000)
Số dư đầu năm nay	255.846.030.000	142.193.681.303	15.156.950.594	107.973.395.265	521.170.057.162
Tăng vốn	88.751.660.000	50.219.610.000	-	(25.582.460.000)	113.388.810.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	80.254.350.736	80.254.350.736
Trích lập các quỹ	-	-	4.286.298.211	(6.000.817.495)	(1.714.519.284)
Trả thù lao	-	-	-	(1.975.000.000)	(1.975.000.000)
Số dư cuối năm nay	344.597.690.000	192.413.291.303	19.443.248.805	154.669.468.506	711.123.698.614

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-DHĐCD ngày 20 tháng 5 năm 2017, Công ty công bố chia lợi nhuận sau thuế của năm tài chính 2016 như sau:

- Công ty đã trích lập Quỹ Đầu tư Phát triển và Quỹ Khen thưởng Phúc lợi với số tiền tương ứng là 4.826.298.211 đồng và 1.714.519.284 đồng;
- Công ty đã trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành cho năm tài chính 2016, với số tiền là 1.975.000.000 đồng.

Cũng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-DHĐCD ngày 20 tháng 5 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt kế hoạch phân phối lợi nhuận của năm tài chính 2017 như sau:

- Trích lập quỹ đầu tư phát triển với tỷ lệ 5% của lợi nhuận sau thuế;
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi với tỷ lệ 2% của lợi nhuận sau thuế;
- Chia cổ tức cho cổ đông bằng cổ phiếu hoặc tiền mặt với tỷ lệ 20% của vốn điều lệ;
- Chi thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát bằng tiền mặt với số tiền 790.000.000 đồng, thưởng Ban điều hành và Ban Kiểm soát với tỷ lệ 1% của lợi nhuận trước thuế, nếu đạt kế hoạch và thưởng 10% của phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch, nếu thực hiện vượt kế hoạch.

Việc chia cổ tức cho các Cổ đông và trích lập Quỹ đầu tư phát triển, Quỹ khen thưởng và phúc lợi, thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và thưởng cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành theo kế hoạch nêu trên sẽ được Công ty thực hiện sau khi được sự phê duyệt cuối cùng của Đại hội đồng cổ đông.

Vốn điều lệ

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 344.597.690.000 đồng đã được các Cổ đông góp đầy đủ.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 01/NQ-DHĐCD ngày 20 tháng 5 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua các phương án phát hành cổ phiếu như sau:

- Phát hành 2.558.460 cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận lũy kế để trả cổ tức cho năm 2016 với tỷ lệ chi trả là 10% vốn điều lệ;
- Chào bán cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu với số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán là 5.116.920 cổ phiếu cho mục đích huy động vốn xây dựng dự án Nhà máy Giao Long - Giai đoạn II;
- Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2017 với số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành là 1.200.000 cổ phiếu nhằm mục đích gắn kết lợi ích của đối tượng mua cổ phiếu với Công ty và huy động vốn xây dựng dự án Nhà máy Giao Long - Giai đoạn II.

Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng Quản trị thực hiện công việc triển khai các phương án phát hành cổ phiếu nói trên.

- Theo các Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 43/NQ-HĐQT, số 44/NQ-HĐQT và số 45/NQ-HĐQT cùng ngày 21 tháng 6 năm 2017, Hội đồng Quản trị Công ty đã đồng ý thông qua việc triển khai chi tiết các phương án phát hành cổ phiếu như thống nhất của Đại hội đồng Cổ đông, trong đó phát hành 5.116.920 cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu và 1.200.000 cổ phiếu cho người lao động với giá chào bán là 18.000 đồng/cổ phiếu.
- Công ty đã nộp hồ sơ phát hành các phương án trên và đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận đã nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ và phê duyệt việc phát hành của Công ty theo Giấy chứng nhận số 51/GCN-UBCK ngày 08 tháng 9 năm 2017.
- Tại ngày 25 tháng 9 năm 2017, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 2.558.246 cổ phiếu để trả cổ tức cho năm 2016, còn lại 214 cổ phiếu là đã được hủy theo như phê duyệt chương trình triển khai ban đầu của Hội đồng Quản trị.
- Tại ngày 20 tháng 10 năm 2017, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 1.200.000 cổ phiếu cho người lao động với giá bán 18.000 đồng/cổ phiếu và đã thu tiền đầy đủ với số tiền là 21.600.000.000 đồng.
- Tại ngày 13 tháng 11 năm 2017, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 5.116.920 cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu với giá bán 18.000 đồng/cổ phiếu và đã thu tiền đầy đủ với số tiền là 92.104.560.000 đồng.

Tổng số cổ phiếu đã được hoàn tất việc phát hành trong năm 2017 là 8.875.166 cổ phiếu.



Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	34.459.769	25.584.603
Số cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	34.459.769	25.584.603
Mệnh giá cổ phiếu (VND)	10.000	10.000

Công ty chỉ có một loại cổ phiếu phổ thông không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phiếu sở hữu tại các cuộc họp Cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phiếu đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

Đối với cổ phiếu phổ thông phát hành mới cho Cổ đông hiệu hữu, các cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán theo quy định của pháp luật. Đối với cổ phiếu phổ thông phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động, các cổ phiếu này bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng hai năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành.

Tại ngày đầu năm và cuối năm, các cổ đông sở hữu số lượng cổ phiếu và chiếm tỷ lệ sở hữu đối với Công ty như sau:

Tên cổ đông	Mối quan hệ	Tại ngày đầu năm		Tại ngày cuối năm	
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ
DAIWA-SSIAM Vietnam Growth Fund II L.P.	Cổ đông lớn	3.781.250	14,78%	4.915.625	14,27%
Ông Lê Quang Hiệp	Cổ đông lớn/ Thành viên HĐQT	2.123.550	8,30%	2.685.615	7,79%
Kingsmead Vietnam and Indochina Growth Fund	Cổ đông lớn	1.455.510	5,69%	2.413.463	7,00%
Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	Cổ đông lớn	1.718.750	6,72%	2.234.375	6,49%
Ông Lê Bá Phương	Cổ đông lớn/ Chủ tịch HĐQT	1.367.190	5,34%	1.972.347	5,72%
Bà Nguyễn Thị Thúy	Cổ đông lớn/ Người có liên quan của ông Lê Bá Phương	1.282.727	5,01%	1.950.944	5,66%
Ông Lương Văn Thành	Cổ đông lớn/ Phó Chủ tịch HĐQT	1.368.600	5,35%	1.923.400	5,58%
Các cổ đông khác		12.485.626	48,01%	16.364.000	47,49%
		25.584.603	100,00%	34.459.769	100,00%

Tình hình sử dụng vốn chủ sở hữuChi tiết các đợt chào bán

Tổng số tiền thu được từ các đợt bán cổ phiếu	113.704.560.000
+ Phát hành năng lực	92.104.560.000
+ Phát hành cho người lao động	21.600.000.000
Tổng chi phí của đợt phát hành	315.750.000
+ Chi phí phát hành	79.250.000
+ Phí kiểm toán	16.500.000
+ Phí tư vấn phát hành	220.000.000
Tổng tiền thu ròng từ đợt phát hành	113.388.810.000

Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Toàn bộ số tiền thu được từ các đợt chào bán cổ phiếu sẽ được sử dụng để đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Glaxo Long - Giai đoạn II.



Tình hình sử dụng tiền thu được

STT	Nội dung	Số tiền đã tạm ứng/ thanh toán VND
I/	Tạm ứng hợp đồng	8.963.132.205
01	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ 7777	326.700.000
02	Công ty TNHH Kobelco Compressors Việt Nam	973.600.000
03	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Cơ khí Quảng Liên Hưng	164.835.000
04	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Đạt Vinh Tiến	982.326.000
05	Công ty TNHH Hệ thống Thiết bị UMW Việt Nam	214.830.000
06	Công ty TNHH Cơ khí Xây dựng Thiên Phát Lộc	6.300.841.205
II/	Các chi phí liên quan đến dự án	16.013.585.693
01	Công ty Cổ phần Minh An Phát	2.132.854.297
02	Công ty Cổ phần Phụ kiện và Nhà Thép Nhất	1.274.296.198
03	Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long	519.894.650
04	Công ty TNHH MTV Bê tông TICC0	1.121.427.318
05	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Yong Jia Yu Việt Nam	2.047.736.929
06	Công ty TNHH MTV Thương mại - Xây dựng và Dịch vụ Giao Long	529.702.500
07	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Thép Visa	422.420.970
08	Công ty TNHH Thép Bình Nguyên	2.167.227.755
09	Công ty TNHH Thông tin Kỹ thuật Minh Anh	24.530.000
10	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Quang Phú Thanh	680.600.000
11	Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Đức Nhân Tâm	123.786.630
12	Hebei Molin Paper Machinery Import And Export Co.,LTD	2.715.726.843
13	Các chi phí khác	2.253.381.603
		24.976.717.898

Số tiền còn lại 88.412.092.102 đồng hiện công ty đang gửi tại các ngân hàng và số tiền này sẽ được tiếp tục sử dụng theo tiến độ triển khai của dự án.

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngài tẻ các loại		
- Đô la Mỹ ("USD")	45.892,17	1.423,28
- Euro ("EUR")	101,10	101,10

22. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Báo cáo tài chính này không trình bày thông tin bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý bởi vì hoạt động hiện tại chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh giấy, bìa và bao bì bằng giấy và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý này đều không khác biệt nhiều về mức độ rủi ro và khả năng sinh lợi.

23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng doanh thu bán hàng		
Doanh thu bán thành phẩm	803.968.027.061	655.034.680.262
Doanh thu bán nguyên liệu	1.352.049.500	12.720.693.700
Doanh thu bán phế liệu	82.791.000	66.206.160
Doanh thu bán máy móc thiết bị trả chậm	5.389.884.000	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	300.000.000
	810.792.751.561	668.121.590.422
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	763.724.350	-
Giảm giá hàng bán	4.281.600	-
	768.005.950	-
Doanh thu thuần về bán hàng	810.024.745.611	668.121.590.422



24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	672.679.368.118	532.201.260.937
Giá vốn của nguyên liệu đã bán	1.158.230.209	12.295.137.907
Giá vốn của máy móc thiết bị bán trả chậm	4.320.000.000	-
Giá vốn dịch vụ	-	141.211.648
	678.157.598.327	544.637.610.492

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	805.475.408.861	654.188.760.423
Chi phí nhân công	47.796.955.793	44.482.388.513
Chi phí khấu hao tài sản cố định	37.834.540.357	36.734.485.995
Chi phí dịch vụ mua ngoài	76.151.127.995	65.984.771.179
Chi phí khác bằng tiền	16.314.141.220	15.810.264.730
	983.572.174.226	817.200.670.840

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi	3.049.123.053	5.007.788.579
Lãi chênh lệch tỷ giá	197.963.023	145.504.648
Doanh thu hoạt động tài chính khác	56.799.586	19.941.985
	3.303.885.662	5.173.235.212

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	4.587.707.583	3.251.172.022
Lỗ chênh lệch tỷ giá	132.941.512	253.825.554
	4.720.649.095	3.504.997.576

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên	5.532.157.190	5.165.107.811
- Chi phí dự phòng	1.348.177.669	116.798.304
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.481.636.249	5.556.361.368
	14.361.971.108	10.838.267.483
Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên	3.095.955.258	2.783.104.934
- Chi phí xăng, dầu giao hàng	2.402.436.399	1.794.103.471
- Chi phí vận chuyển thuê ngoài	8.295.690.235	6.391.414.590
- Chi phí hoa hồng môi giới	4.061.075.390	3.028.212.230
- Chi phí khác	5.307.551.034	4.105.472.050
	23.162.708.316	18.102.307.275



29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	13.031.134.512	12.864.667.258
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	(1.641.511.074)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.031.134.512	11.223.156.184

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	93.285.485.248	96.949.120.406
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	799.415.893
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	980.297.626	711.956.753
Ảnh hưởng thuận của việc đánh giá lại khoản mục tiền cổ gốc ngoại tệ	187.277	-
Thu nhập tính thuế năm hiện hành	94.265.970.151	96.861.661.266
Thu nhập tính thuế suất thông thường 20%	36.045.374.967	31.785.011.316
Thu nhập tính thuế suất ưu đãi 10%	58.220.595.184	65.076.649.950
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành	13.031.134.512	12.864.667.258
Điều chỉnh cho năm trước	-	(1.641.511.074)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.031.134.512	11.223.156.184

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế.

Theo Thông tư số 96/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015, Công ty được hưởng ưu đãi thuế cho dự án nhà máy Bao bì và dự án nhà máy giấy Giao Long do đáp ứng điều kiện ưu đãi thuế về địa bàn ưu đãi cho dự án đầu tư mở rộng. Công ty được miễn hai năm thuế thu nhập doanh nghiệp cho dự án nhà máy Bao bì kể từ khi có thu nhập tính thuế (năm 2013 và năm 2014) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho bốn năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2018). Đồng thời, Công ty được miễn ba năm thuế thu nhập doanh nghiệp cho dự án nhà máy giấy Giao Long kể từ khi có thu nhập tính thuế (từ năm 2013 đến năm 2015) và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm năm tiếp theo (từ năm 2016 đến năm 2020). Các ưu đãi thuế này được áp dụng cho thời gian còn lại kể từ kỳ tính thuế năm 2015.

Cho năm hiện hành, Công ty đang được áp dụng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp cho cả hai dự án nhà máy Bao bì và nhà máy giấy Giao Long.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	80.254.350.736	85.725.964.222
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.605.087.015	1.714.519.284
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	78.649.263.721	84.011.444.938
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (Cổ phiếu)	29.069.778	26.790.400
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phần)	2.706	3.136

Trong năm, Công ty đã trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2016 với số tiền là 1.714.519.284 đồng. Theo hướng dẫn tại Thông tư 200, lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được xác định bằng lợi nhuận cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông trừ đi số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi. Do đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm trước được tính lại theo Thông tư 200 cho mục đích so sánh.



Đồng thời, lợi nhuận để lĩnh lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm nay cũng đã trừ đi số ước tính sẽ trích cho quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2017 theo tỷ lệ đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-BHĐCD ngày 20 tháng 5 năm 2017 với số tiền là 1.605.087.015 đồng.

Trong năm 2017, Công ty đã trả cổ tức năm 2016 bằng 2.558.246 cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, do đó, số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh hồi tố như sau:

	Số cổ phiếu bình quân gia quyền
Theo báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016	24.355.095
Ảnh hưởng của việc tăng cổ phiếu từ lợi nhuận năm trước	2.435.305
Số đã điều chỉnh lại	26.790.400

31. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ trong năm	2.331.110.220	1.890.258.122

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Trong vòng một năm	1.975.355.760	1.937.639.803
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	10.041.391.780	7.919.507.480
Sau năm năm	36.322.249.880	36.832.851.813
	48.338.997.420	46.689.999.096

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê đất và cơ sở hạ tầng tại Khu Công nghiệp Giao Long, Tỉnh Bến Tre. Các hợp đồng thuê này được ký với thời hạn từ 28 đến 50 năm.

32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 và 19, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền như đã trình bày ở Thuyết minh số 4) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản vay	353.017.009.568	52.105.532.464
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	111.181.973.890	34.695.484.012
Nợ thuần	241.835.035.688	17.410.048.452
Vốn chủ sở hữu	711.123.698.614	521.170.057.162
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,34	0,03

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	111.181.973.880	34.695.484.012
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.562.946.838	65.270.428.038
Phải thu khách hàng và phải thu khác	108.352.701.672	127.457.378.464
	227.097.622.390	227.423.290.514
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	353.017.009.568	52.105.532.464
Phải trả người bán và phải trả khác	215.093.680.551	44.106.051.619
Chi phí phải trả	3.663.281.264	1.104.139.614
	571.773.971.383	97.315.723.697

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường hoạt động giao dịch các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối niên độ kế toán như sau:

	Tài sản		Nợ phải trả	
	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
USD	1.040.604.955	32.336.922	145.060.490.399	13.887.812.817
EUR	2.732.935	2.411.437	-	312.776.655

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng là 2.880.397.709 đồng (năm 2016: 296.768.622 đồng).

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.



Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất. Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công sẽ giảm/tăng 7.060.340.191 đồng (năm 2016: 1.042.110.649 đồng).

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và đầu tư tài chính ngắn hạn). Đối với phải thu khách hàng, Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách xây dựng tiêu chí đánh giá phân khúc xếp loại khách hàng. Công ty chỉ giao dịch với các khách hàng có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở tín dụng thư đối với các khách hàng giao dịch lần đầu hoặc không có thông tin về khả năng tài chính cũng như thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau. Đối với khoản tiền gửi ngân hàng và đầu tư tài chính ngắn hạn, Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng là thấp do tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn được gửi tại các ngân hàng lớn và uy tín.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yếu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn. Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Số cuối năm	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	111.181.973.880	-	111.181.973.880
Đầu tư tài chính ngắn hạn	7.562.946.838	-	7.562.946.838
Phải thu khách hàng và phải thu khác	104.040.794.472	4.311.907.200	108.352.701.672
	222.785.715.190	4.311.907.200	227.097.622.390
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	104.250.855.192	248.766.154.376	353.017.009.568
Phải trả người bán và phải trả khác	215.093.680.551	-	215.093.680.551
Chi phí phải trả	3.663.281.264	-	3.663.281.264
	323.007.817.007	248.766.154.376	571.773.971.383
Chênh lệch thanh khoản thuần	(100.222.101.817)	(244.454.247.176)	(344.676.348.993)
Số đầu năm	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	34.695.484.012	-	34.695.484.012
Đầu tư tài chính ngắn hạn	65.270.428.038	-	65.270.428.038
Phải thu khách hàng và phải thu khác	127.457.378.464	-	127.457.378.464
	227.423.290.514	-	227.423.290.514
Công nợ tài chính			
Các khoản vay	52.105.532.464	-	52.105.532.464
Phải trả người bán và phải trả khác	44.106.051.619	-	44.106.051.619
Chi phí phải trả	1.104.139.614	-	1.104.139.614
	97.315.723.697	-	97.315.723.697
Chênh lệch thanh khoản thuần	130.107.566.817	-	130.107.566.817

Các công nợ tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 chủ yếu là các khoản tài trợ đầu tư xây dựng Công trình Nhà máy Giao Long – Giai đoạn II (“Công trình”). Tuy nhiên, Công trình dự kiến sẽ đưa vào hoạt động từ tháng 6 năm 2018 và thông qua việc cân đối các khoản phải thu, phải trả của công ty, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Ngoài ra, Vietcombank Tiền Giang cam kết tài trợ tín dụng để xây dựng Công trình và ân hạn khoản vay dài hạn 2 năm kể từ ngày 10 tháng 8 năm 2017, sau đó sẽ lập lịch trả nợ phù hợp với dòng tiền và khả năng tài chính của Công ty, nên Ban Tổng Giám đốc tin tưởng Công ty có thể đáp ứng việc chi trả cho khoản vay dài hạn này.

33. NGHIỆP VỤ VÀ SƠ ĐƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan

Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long
Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc

Mối quan hệ

Công ty liên kết
Công ty mà thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên sáng lập

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Mua hàng và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long	1.650.661.500	-
Công ty Cổ phần Đại Thiên Lộc	424.743.000	-

Sơ đư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Giao Long	811.506.850	-

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lương và thưởng của Ban Tổng Giám đốc	2.247.586.730	1.881.529.607
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.275.000.000	1.179.000.000
	3.522.586.730	3.060.529.607

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

Tiền chi mua tài sản cố định trong năm không bao gồm 3.880.883.750 đồng (năm 2016: 1.520.580.270 đồng) (Thuyết minh số 17), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả. Ngoài ra số tiền chi mua tài sản cố định trong năm đã bao gồm 1.520.580.270 đồng là số tiền chưa thanh toán tại thời điểm cuối năm trước đã thanh toán trong năm nay.

Tiền chi xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 67.637.048.109 đồng (năm 2016: không đồng) (Thuyết minh số 17), là số tiền dùng để chi xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

Tiền chi xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm 36.482.277.435 đồng (năm 2016: không đồng) (Thuyết minh số 9), là số tiền dùng để chi mua thiết bị, máy móc phục vụ cho xây dựng Nhà máy Giao Long – Giai đoạn II trong năm nhưng chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả.

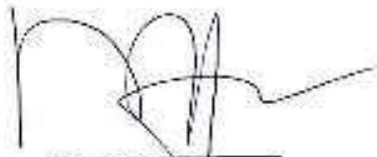
Tiền chi xây dựng cơ bản dở dang trong năm đã bao gồm số dư trả trước cho người bán ngắn hạn trị giá 49.018.546.292 đồng (năm 2016: 123.696.531.700 đồng) (Thuyết minh số 7) phục vụ cho xây dựng Nhà máy Giao Long – Giai đoạn II.



Lãi tiền gửi để nhận không bao gồm khoản trích trước lãi tiền gửi với số tiền là 185.826.385 đồng (năm 2016: 2.894.581.457 đồng). Do đó, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải thu. Ngoài ra lãi tiền gửi để nhận bao gồm 2.894.581.457 đồng là số tiền lãi trích trước tại thời điểm cuối năm trước để thực nhận trong năm nay.

Lãi tiền vay đã trả không bao gồm khoản trích trước lãi tiền vay với số tiền là 2.260.803.041 đồng (năm 2016: 137.599.157 đồng). Do đó, một khoản tiền 230.332.288 đồng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả cho khoản vay ngắn hạn và khoản tiền 2.030.470.753 đồng đã được điều chỉnh trên phần tiền chi xây dựng cơ bản để đang do vốn hóa chi phí lãi vay dài hạn cho Công trình. Ngoài ra lãi tiền gửi đã trả bao gồm 137.599.157 đồng là số tiền lãi trích trước tại thời điểm cuối năm trước để thực trả trong năm nay cho hoạt động kinh doanh.

Trong năm, Công ty đã trả cổ tức bằng cổ phiếu với số tiền là 25.582.460.000 đồng (năm 2016: 23.257.150.000 đồng). Do đó, tiền thu từ phát hành cổ phiếu và tiền chi cổ tức đã trả cho cổ đông không thể hiện khoản phi tiền tệ này.



Phạm Thế Tài
Người lập



Lê Thị Hoàng Huệ
Kế toán trưởng




Lê Bá Phương
Tổng Giám đốc
Ngày 24 tháng 3 năm 2018






BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÔNG HẢI BẾN TRE



Bến Tre, ngày 17 tháng 04 năm 2018

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

